

## CHƯƠNG BA

### TẬP TỤC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH VÀ NHỮNG ĐIỀU LÝ ĐI KÈM

Từ khi những lưu dân vào khai cơ lập nghiệp, hình thành nên xứ Quảng, hằng năm cứ đến mùa xuân, mùa thu, các làng xã miền quê thường mở hội vui chơi giải trí. Đây là thời gian nông nhàn, công việc mùa màng, cày cấy đã thành thoi. Tính chất nông nghiệp của hội làng xưa ở xứ Quảng chẳng những biểu hiện ở thời gian mở hội mà còn ở nhiều hình thức vui hội. Vui hội hái lòn bon ở Đại Lộc, Quế Sơn, hội Hát mục đồng và rước Thần nông ở làng Phong Lệ, hội đấu vật ở thôn Giáng Đông, hội đua ghe trên sông Thu Bồn, sông Cẩm Lệ, hội cá Ông ở vùng biển... đã hình thành nên nét đặc trưng văn hoá dân gian xứ Quảng. Ở những lễ hội mang đậm màu sắc dân gian ấy, những đôi thanh niên nam nữ gặp nhau, họ tâm sự, trao nhau điệu hát câu hò làm khuây đi những ngày lao động mệt nhọc trên những cánh đồng trù phú quê hương.

Vào mùa trẩy hội, trai gái ra đồng hoà vào dòng người tìm lấy thú vui trong sinh hoạt dân gian, làm phong phú đời sống tinh thần, ở đây có thể việc trao duyên của những đôi nam nữ bắt đầu. Những buổi sinh hoạt thông qua những đêm hò hát, họ giã trấu mà hát, giã gạo mà hát, cấy đêm, đập lúa,

xâu thuốc, quay tơ dệt lụa... mà hát với nhau bằng những câu nhân nghĩa, ân tình. Trong môi trường nên thơ, trào lộng đó, tình yêu nam nữ có dịp nảy sinh và bắt đầu...

Một anh trai làng, một cô thôn nữ sau khi đã giả từ chiếc nôi đưa, một số trò chơi dân gian của những ngày lên năm lên bảy đã bắt đầu “nhập thế cục” được rồi. Và, thế là trong sản xuất nông nghiệp, suốt cả một vụ mùa từ làm đất bằng cày bừa và trâu bò, đến chọn giống, ngâm giống, bắt mọng (mạ), nhổ mọng, tát nước, cấy đêm, làm cỏ, bỏ phân...gặt, đập, thanh niên nam nữ các làng xã do thực hiện đôi công vãn công trong sản xuất, họ có dịp gặp nhau. Có thể từ đây tình yêu nảy sinh trên những đường cày mới lật, từ những nhát cuốc bẫm sâu vào đất bùn xứ sở hay có khi giữ bò trên những triền đồi, đồng cỏ.



*Lá trầu (Internet)*

Tình yêu nam nữ trên xứ Quảng xưa có thể có ra đời như vậy. Chính vì có tình yêu nam nữ nên là cơ sở dẫn đến và hình thành tập tục hôn nhân. Một gia đình bắt đầu từ đó.

Xưa, thời đại các xã hội có giai cấp, chế độ phong kiến<sup>1</sup> chiếm một vị trí rất quan trọng cả về thời gian và mức độ ảnh hưởng và tác dụng của tư tưởng Khổng - Mạnh vào cuộc sống hằng ngày. Ở vùng đất

---

<sup>1</sup> **Phong kiến:** phong tước kiến điền.

Quảng Nam xưa đã từng chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng cũ vào tập tục hôn nhân gia đình, tất cả nội dung lẫn hình thức đã bị ràng buộc vào tôn pháp và lễ giáo Khổng - Mạnh theo một hệ thống hoàn chỉnh, nhạy bén về lý luận cũng như vận dụng các nghi lễ vào thực tiễn. Đối với việc hôn nhân của thanh niên nam nữ, lý luận Khổng - Mạnh lại càng nghiêm ngặt.

Vẫn biết tuổi thanh niên là tuổi thiết tha yêu thương nhưng với tình yêu và hôn nhân, kỷ cương cũ ràng buộc nhiều mặt, có khi dẫn đến độc đoán. Muốn tiến đến hôn nhân phải trải qua nhiều bước (lục lễ) kéo dài thời gian, lại gây khó khăn và hoàn toàn do cha mẹ định đoạt, theo quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, như vậy người con dù thế nào cũng không cưỡng lại được. Chính đó, những thanh niên nam nữ xứ Quảng xưa, đôi khi gặp phải nạn tảo hôn, tráo hôn. Đây là chuyện thường gặp trong tập tục hôn nhân gia đình ngày trước. Trong tập tục hôn nhân, người phụ nữ vẫn là người chịu thiệt thòi nhiều nhất do từ tình yêu chuyển sang hôn nhân phải trải qua những thủ tục cố định trở thành điển lệ không thay đổi.

Tuy nhiên, biết tập tục cũ là vậy nhưng thanh niên nam nữ con nhà nghèo khó, khi kết hôn với nhau vẫn không nệ vào mối lái gì nhiều và cũng không phải thông qua đủ những thủ tục ràng buộc. Họ tự kén chọn nhau, đồng lòng là có thể tiến đến hôn nhân gia đình được. Bởi họ được xem là thành phần thấp nhất trong xã hội, họ “bằng lòng” với thành phần xã hội của mình, không thể vượt ra khỏi quan niệm “*môn đẳng hộ*”

đôi”<sup>2</sup> được. Chính đó, ngày xưa những thanh niên nam nữ xứ Quảng ngoài việc trao nhau những câu hò đối đáp, những bài hát lý huê tình, công khai nơi đông người vào những đêm trăng sáng, những đêm giúp nhau vào lúc cao điểm của vụ mùa như khâu thuốc, tát nước, xắt khoai xắt sắn...họ còn trao đổi tâm tình riêng lẻ với nhau qua hình thức khác như hát huê tình qua ống là một ví dụ.

*Trầu cau (Internet)*

Kho tàng *Ca dao dân ca* đất Quảng có nhiều làn điệu phong phú, thể hiện đa dạng những trạng thái, cung bậc tình cảm khác nhau của con người, trong đó hát hò khoan đối đáp trống mái là một trong những cách thể hiện tình yêu nam nữ, hát giao duyên qua ống là một hình thức khác của hát huê tình.



Những đêm trăng thanh nam nữ mượn hình thức diễn xướng để thổ lộ tâm tình thông qua hò khoan đối đáp thể hiện nỗi lòng: khâu thuốc, tát nước, cấy đêm, cạo khoai, lột sắn, xay lúa, giã gạo ..., những đêm không trăng sao, họ thắp đèn lên

---

<sup>2</sup> **Môn:** cửa, công; **đăng:** đèn; **hộ:** nhà, gia đình, chỉ phú hộ - nhà giàu. Ở đây có ý rằng hai gia đình phải tương ứng về đường học tập, đèn sách, nhà phải có chữ nghĩa, và phải có cửa, phú hộ thì mới có thể là thông gia với nhau được.

mà hát, hoặc giả trầu để có cơ sự mà hát với nhau. Tuy thế ở những lần hát hò khoan trống mái vẫn chưa bằng lòng trong nỗi nhớ mong, chưa trao nhau và cũng chưa thổ lộ hết tâm tư tình cảm với nhau, nam nữ lại tìm đến bằng phương thức khác: *giao duyên qua ống*.

Hát giao duyên qua ống tre chỉ thực hiện khi hai chủ thể nào đó mên nhau tách ra khỏi cuộc hát trống mái đông người, thực hiện hát ống chỉ có hai người với nhau thôi. Đây là một phương thức hát huê tình giao duyên thâm kín, sâu lắng nhất. Nếu ở cuộc hát hò khoan trống mái, tập thể đối đáp nhau qua lại mang tính cộng đồng thì ở hát ống là sự tách ra để tìm đến cá thể trữ tình hơn.

Để thể hiện được lòng mình thâm kín nhất, họ dùng một bộ hai ống. Ống bằng tre cưa hai mặt. Dùng da ếch, da trăn hoặc bóng da heo bịt một đầu ống, xong đem phơi cho thật khô. Dùng chỉ se một sợi dây dài (tùy vị trí từ nam đến nữ) móc hai đầu vào hai mặt da của ống tre. Đêm xuống, trăng lên, chàng trai mang một ống đặt ở nơi thuận lợi nhất có thể kéo sợi dây vào phòng ngủ của cô gái mà không để cho một ai phát hiện. Có thể là một góc rào, một khoản đất nào đấy dưới gốc mít, gốc xoài, mù u...mà ở đây cô gái có thể kéo ống và sợi dây vào đến phòng riêng của mình, mà không bị một chương ngại vật nào cản trở hoặc chạm vào sợi dây, như thế tiếng hát sẽ không truyền đi được, còn một đầu ống kia chàng trai có thể giấu đâu đấy thuận lợi cho cuộc trò chuyện tâm tình. Đến đêm, cha mẹ cô gái ngủ say, làng xóm chìm trong giấc say nồng, theo lời hẹn trước, cô gái đến vị trí đặt ống kéo về phòng riêng, gác riêng cũng có thể ở quê chỉ là một gian riêng mà

không phải phòng. Tại đây cô gái hát với người thương. Giọng hát cứ vậy vô tư theo dây chuyền đến người nhận phía đầu kia nhập vào tai họ. Họ hát với nhau và lúc này hơn đâu hết, thông qua Lý, tâm tình bộc lộ một cách thâm kín, mãnh liệt. Hát Lý qua ống, mọi cung bậc tình cảm trong tình yêu nam nữ được thể hiện mà không một nhân vật thứ ba nào có thể biết và ngăn trở được. Những lời hát thiết tha dành riêng cho nhau như vậy dài đến tận khuya hay còn khuya hơn thế.

Giai điệu của Lý giao duyên qua ống thường là nhân nghĩa, huê tình, có thể chuyên hóa, pha trộn cách điệu sao cho mọi cung bậc của tình yêu thể hiện qua lời được chuyển tải đến nhau một cách thiết tha gợi cảm, gợi mời. Từ thể loại thơ lục bát, bạn hát có thể chuyển đổi, đảo từ, thêm tiếng đệm, viên đậm nhiều lần âm láy để lời hát đi thẳng vào lòng một cách ngọt ngào, mềm mại nhất, hiệu quả giao tiếp đạt được những thông tin cần thiết.

Ví dụ, ta hãy nghe một câu hát ống khi người con trai hát dặn lòng với người con gái:

*-Tối trời, tôi không sợ chi ma  
Vườn hoang cũng lợi, tre là ngà cũng chui  
Mây mưa không hại chi nguồn  
Sông sâu, dậm bích, thẳng dùn cũng qua.<sup>3</sup>*

---

<sup>3</sup> **Bích:** tức bức tường. Dậm bích, theo văn cảnh, ý nói dậm xa, trúc trắc.





Giữa đêm trắng thanh  
yên tĩnh, bốn bề vắng lặng  
không bị ràng buộc bởi  
thủ tục như hát trống mái  
huê tình - ở những bữa vây  
quanh một ngọn đèn dầu  
chung với nhau trên sân

một nhà ai đó, phải mở lời chào, lời mời, lời hẹn, lời tiễn (giã  
bạn) - ở giao duyên qua ống đôi nam nữ có thể bỏ qua tất cả  
những thủ tục *lễ tân* để hát những điều cần hát với nhau. Họ  
chuyên đến nhau không bị một ràng buộc nào phá vỡ cả thời  
gian và không gian của những lần tự sự.

*-Chim loan, chim phượng<sup>4</sup> lẻ đôi  
Đập bàn tay xuống chiếu xa rồi còn chi  
Bộ nút vàng xa áo cổ y  
Chàng mà xa thiếp tài chi không phiền  
Hội ni nhất chết nhì điên*

---

<sup>4</sup> **Chim phượng**: chỉ vợ chồng tốt đôi. Loan tức chim phượng mái. Chim phượng tức phượng hoàng. Nghệ nhân tách từ “loan phượng” làm hai mà dùng vào từ tổ mới. Ở đây chỉ sống chung với nhau. Giống chim hiem khó thấy, thường đi với nhau thành đôi. Chỉ người anh tài tình vợ chồng hòa hợp. Loan, xưa cho là giống chim phượng, lông năm sắc mà trội về sắc xanh. Theo *Quảng Nhã*, chim loan thuộc phượng hoàng. Sơ học ký dẫn *Mao thi thảo trùng kinh* cho rằng con đực là phượng, con cái là hoàng. Lại có chữ Hán: *loan tương phượng tập* chỉ việc các hiền tài tụ họp, *loan phiêu phượng bạc* nói cảnh vợ ly tán.

Kéo tôi vò vò môn phòng  
Lẻ loi gói **phượng** lạnh lùng chẵn **loan**.

*Chàng sầu ưu tư (có) chín tháng  
(chớ) thiếp giải cơn phiền mười năm.*

*-Chim khôn kêu tiếng rảnh rang  
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe  
Bóng trăng ngã lộn bóng tre  
Chàng ơi, đứng lại mà nghe em thề  
Vườn đào, vườn lựu, vườn lê  
Con ong vô hút nhị, con bướm xê ra ngoài*

*-Anh buồn, em lại vui chi  
Vui là vui gương có khi khóc thầm.*

*-Chuối chát lương chua,  
bốn mùa em chịu khổ  
Chàng có muốn đi tu,  
thiếp chỉ chỗ cho tu hành  
Ngó vô trong chùa  
thấy ông Phật đang giáng sanh  
Bỏ cha mẹ già yếu,  
chàng tu sao đành chàng tu ?*

*-Chiều chiều ra ngõ ngó chừng  
Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng cao  
Mấy lời chàng dặn nó bén như dao  
Trong lòng tôi nó ngọt ngào lắm bạn ơi  
Thiếp than, chàng thử chơi vui  
Bạn kêu đất không thấu,  
tôi kêu trời thấu chi.*

*-Cũng tại nơi ta nên tội lây cho tới bạn*



*Trách phụ mẫu nhà tẽ bạc lãm thay  
Nên chi đánh thiếp mới đau lòng chàng  
Một roi tím ruột bầm gan  
Hai roi thương đến nghĩa nàng, nàng ơi  
Ba roi chân rụng tay rời  
Bốn roi thương thiếp, thiếp ơi  
Năm roi đứng sá chơi vơi ngoài đàng  
Sáu roi thấu đến thiên hoàng  
Bảy roi nhớ đến nghĩa nàng bâng khuâng  
Tám roi bước đến đầu sân  
Chín roi trong dạ bâng khuâng trong lòng  
Mười roi ngó bộ không xong  
Muốn vô lãnh thế nhưng lòng ngại ngại  
Thà không quen biết nhau chi  
Nay chừ quen biết khổ làm ri hử trời.*

...

Vậy đây, thanh niên nam nữ trên đất Quảng quê hương có nhiều cách bày tỏ tình yêu, hát Lý giao duyên qua ống là một trong những cách kín đáo trữ tình không thua kém những buổi hát huê tình trống mái được tổ chức theo với các hình thức lao động ngày mùa. Chính đó, đã gắn chặt vào cuộc

đời thặng trầm của họ, hần sâu và ghi dấu ấn khó có thể phai mờ.



Ông bình vôi (Internet)

Nay, nếu ta biết lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng lại những hình thức sinh hoạt dân gian mà cha anh ta đã nhờ đó mà có được cuộc sống tinh thần phong phú để tồn tại, sáng tạo và phát triển.

Xứ Quảng đã từng chịu nhiều sự nghiệt ngã trong tập tục hôn nhân, song xã hội ngày càng phát triển, khi mà khai hoang vỡ hoá đất đai được nhiều, kinh tế phát triển, phong cách sống có khác thì một chừng mực nào đó vẫn có lối thoát, tuy quan hệ có chỗ không bình đẳng giữa nam với nữ nhưng vẫn còn có chỗ cho tình yêu của họ tồn tại. Đời Lê Thánh Tông (1460-1497). Niên hiệu Quảng Thuận, Hồng Đức (1470-1497), đã sửa đổi lại một số phong tục, trong đó có tập tục hôn nhân cho phù hợp với điều kiện phát triển của xã hội mà trước kia đã thể hiện như quy định theo gia lễ. Nếu như người dân xứ Quảng buổi đầu quan niệm và thực hiện các tập tục theo trí nhớ, theo đôi giống đã “*gánh theo tên đất tên làng trong những chuyến đi xa*” về phương nam mở đất, trong đó có ghi dấu lại các phong tục tập quán cũ thì đến đời Lê Thánh Tông đã được sửa đổi lại cho thích nghi hơn. Từ chỗ lễ tang với nhiều hình thức tốn kém, các loại hát

xướng làm vui; trong hôn nhân đã có lễ hỏi phải chờ đến ba năm sau mới có thể cưới được thì nay đã bị ngăn cấm. Đời Lê Thánh Tông cấm và chỉ ra rằng “*Khi lấy vợ, trước hết phải nhờ mối lái đi lại bàn định, rồi sau mới định lễ cầu thân; lễ cầu thân xong, rồi mới bàn định việc cưới; dẫu cưới xong, rồi mới chọn ngày làm lễ đón dâu. Ngày hôm sau, (con dâu) chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ ở nhà thờ...không được như trước, nhà trai đã dẫu lễ cưới rồi còn để qua 3,4 năm sau mới cho đón dâu*”<sup>5</sup>. Lê Thánh Tông còn đặt ra 24 điều thuộc về phong tục, sức cho xã dân giảng đọc để giữ lấy tục lệ tốt. Điều 15 ghi rõ: “*Việc hôn giá, tế tự phải giữ lễ phép, không được làm càn*”.<sup>6</sup>

Vùng Quảng Nam - Đà Nẵng xưa kia, hôn nhân phải được tiến hành thông qua sáu thủ tục trước khi tiến đến ngày chính thức trở thành gia đình cụ thể, trong đó việc chủ hôn bao giờ cũng thuộc về cha mẹ, hoặc ông bà. Điều 94 Luật Gia Long ghi rõ: “*Gã chồng cho con cái, lấy vợ cho con trai, đều do ông bà, cha mẹ làm chủ hôn. Nếu ông bà, cha mẹ mất cả rồi thì lấy người thân thuộc khác làm chủ hôn*”.<sup>7</sup>

Xứ Quảng Nam là vùng đất mới khai phá từ thế kỷ thứ XV, những tập tục cũ xưa vẫn còn tồn tại, tuy có pha trộn đôi chút cho phù hợp với hiện thực cuộc sống, song về cơ bản vẫn

---

<sup>5</sup> Đại Việt sử ký toàn thư - tập 2 – Nxb VHNT HN 2000. Tr 737.

<sup>6</sup> Theo: Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim. Bộ GD-Trung tâm học liệu Sài Gòn, xuất bản năm 1971. Tr 259. Cũng xem : Việt Nam sử lược-TTK, Nxb. Văn hoá – Thông tin. HN 1999. Trang 260, 262.

<sup>7</sup> Theo: Hoàng Việt luật lệ, quyển 7-Hộ luật hôn nhân- do Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu dịch. Nxb. VH-TT, HN 1994. Tr 318.

giữ đúng sáu bước trong lễ tiết hôn nhân theo đúng điển lệ của tư tưởng thời phong kiến. Đó là: cậy người làm mai mối, coi (xem) tuổi tác tương khắc thế nào (dựa vào triết lý và quan niệm về âm dương - ngũ hành<sup>8</sup>) thăm nhà; lễ hứa hôn (tức lễ đi hỏi vợ); lễ xin cưới; lễ thỉnh kỳ; lễ cưới (lễ chánh sính, thân nghinh). So với quan niệm xưa, nay phần nào có khác về tên gọi và hình thức thể hiện, đã có nhẹ nhàng, thực tế hơn so với thời kỳ đầu là những lưu dân khi mới vào Nam.

### 1. Cậy người làm mai mối:

Xưa, mặc dầu đôi trai gái thương yêu nhau nhưng vẫn không thể nào vượt ra ngoài điển lệ “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Trường hợp đã có sự đồng ý, đồng tình, phải nhờ một người làm mai mối. Công việc của người làm mai mối là đàm hỏi xem phía nhà gái có bằng lòng gả cho nhà trai không. Vấn đề đặt ra cho thanh niên ở xứ Quảng rằng trong mai mối thường có sự so sánh về giàu nghèo, tuổi tác người con gái gồm ngày, giờ, tháng năm sinh (tính theo âm lịch). Thông qua

---

<sup>8</sup> **Âm dương - ngũ hành:** Thuyết âm dương quan niệm vạn vật chứa 2 yếu tố Âm – Dương. Về giới tính nam Dương, nữ Âm. Về thời gian thì ngày Dương, đêm Âm. Về số học số lẻ là Dương, chẵn Âm. Về phương thì phía trước Dương, phía sau Âm. Thuyết ngũ hành quan niệm vũ trụ tạo thành bởi 5 yếu tố: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ mọi yếu tố khác đều bị chi phối bởi 5 yếu tố này. Ứng với Ngũ hành là Ngũ phương gồm Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung ương; Đông quan gồm Tây quan, Nam quan, Bắc quan, Trung quan; Ngũ sắc gồm xanh, trắng, đỏ, đen, vàng; Ngũ âm gồm: cung, thương, giốc, chủ, vũ (Nhạc cổ người Việt là: hò, xự, xang, liêu, cống). Xem: *Bản sắc văn hoá Trung Hoa và Việt Nam qua sự so sánh trong cách bài trí cung điện Bắc Kinh và cung điện Huế* - Phan Thanh Hải – T/c Nghiên cứu Lịch sử , 9 (352)/ 2005.

người làm mai mỗi thường có bàn đến “môn đăng hộ đối” (trừ những đôi thanh niên nam nữ nghèo khó, vấn đề môn đăng không đặt ra).



Bên gái thuận lòng, người làm mai mỗi thông báo lại cho bên nhà trai biết để chuẩn bị. Vì thế, ngày xưa người làm mai mỗi là quan trọng, có một vai trò chủ động trong tập tục hôn nhân. Chính vì tầm quan trọng gần như quyết định cho đôi thanh niên nam nữ mà trong lục lễ khi tiến hành lễ chánh sính (nghinh hôn) phải có lễ cho ông mai bà mỗi.

*-Ở cô Hai ơi, sao cô không nói không rằng  
Lòng tui thương tưởng cô bằng hay không ?  
Hay là cô chưa muốn có chưa chồng  
Nói cho tui biết đợi trông làm gì  
Trách lòng cho gái nữ nhi*



*Đời chừ<sup>9</sup> lựa chọn làm chi cho nhiều  
Buổi xưa kia vinh hiển còn biêu  
Trai hoàng nam  
    đi cưới con gái ông tiều trên non  
Hay là cô bụng dạ lòng son  
Nói cho tui biết, chiều lòn ông mai  
Hễ mà cô nói đừng sai  
Trầu mâm, rượu hũ, tui cậy ông mai đến nhà  
...*

## **2. Lễ dạm (hỏi tên):**

Người dân xứ Quảng còn gọi lễ này là *lễ thăm nhà*. Theo tục xưa, bên nhà gái thuận lòng tác hợp cho đôi trai gái, chủ động chọn một ngày nắng ráo, đẹp trời nào đó phù hợp, thông qua người làm mai mời bên nhà trai đến thăm nhà mình. Đây chính là lễ hỏi tên, phía nhà trai mang một phức hợp trầu-cau-rượu có kèm theo trà, quả đến nhà gái, trong lúc chuyện trò thăm nhau, bên nhà trai hỏi tuổi tác, ngày giờ, tháng năm sinh của người con gái. Tìm hiểu gia đình cả bên ngoài bên nội cô gái về những mặt có liên quan. Mục đích của lễ thăm nhà xem tuổi của người con gái có phù hợp với tuổi người con trai không, có tương khắc tương sinh gì không. Để làm rõ vấn đề này cả hai bên nhà trai và gái đều tìm đến người am hiểu về thuyết âm dương ngũ hành, thông kinh Dịch, lý số xem, so sánh và đưa ra lời quyết định. Đây là lời quyết định tuyệt đối. Xưa là vậy, nên phần thiết thời lúc nào và bao giờ cũng thuộc về người con gái. Nay thực tế có rất nhiều cặp vợ chồng nằm

---

<sup>9</sup> **Chừ:** nay, đời nay.



trong “tứ xung” nhưng vẫn sống hạnh phúc, giúp ích cho đời. Không duyên, không nợ đã đành còn nếu có duyên có nợ, đã yêu nhau rồi thì việc quyết định dựa trên tuổi tác là một sự ngăn cản gây phản uất, đôi khi là một tuyệt vọng không chỉ cho người phụ nữ.

*-Tiếc răng, tiếc rứa, tiếc ri  
Liều mình bỏ xứ mà đi cho rồi  
Liều mình giả như đũa đứt tao nôi  
Giả như cha với mẹ không sinh đôi đũa mình.*

*-Huệ xa lan lan xàu huệ xủ  
Lựu xa đào lựu ngã đào nghiêng  
Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiền  
Phiền vì một nôi nợ duyên không thành.*

*-Cây cần vì bởi trái sai  
Xa nhau vì bởi ông mai ít lời  
Phải chi lên được trên trời  
Để xem căn số đôi dờ về đâu  
Phải hôm áo chằng kết bầu  
Kết bầu một thuở chịu sầu cả năm*

*-Vô giàn hái lá trầu giàn  
Đem tằm kiến phụng bỏ ngang khay cù  
Bề mô rồi phụ mẫu cũng ừ  
Lẽ mô phụ mẫu chối từ nghĩa con.*

Chính đó mà trong tình yêu trước khi tiến đến hôn nhân, ngày nay ta còn nghe được từ quá khứ vọng về không phải là những bài đồng dao hát vui chơi thời niên thiếu mà là những

lời thở than xa vắng về thân phận của đôi thanh niên yêu nhau  
nhưng không thể kết hợp thành gia thất được:

*-Ở nhà tôi bước chân sang  
Bước ngắn, bước dài  
Bước sai lại té<sup>10</sup>  
Nghĩ đến nhân tình té mấy không đau  
Xin chớ duyên kết, nợ trao  
Rưng rưng nước mắt nhỏ bao hạt lụy rồi  
Thương vì tình, nhớ lắm bạn ơi  
Thương không thương nói lại cho rồi  
Để làm chi ta than đứng, thở ngò cũng tội ta  
Nhìn xem bức tượng trong cung  
Ôm duyên mà khóc,  
chữ tam tòng mình cũng xa<sup>11</sup>  
Ta mừng cho bạn nổi thất nên gia<sup>12</sup>  
Giàu sang phú quý mẹ với cha chàng nhờ  
Phận em như chim bị bão vật vờ  
Sớm ăn bữa hạn, tối ngủ nhờ lạch sông.*

*-Ở nhà đắp chiếu ngủ an*

---

<sup>10</sup> **Té:** ngã, lại ngã.

<sup>11</sup> **Chữ tam tòng:** Thiên thứ hai mươi, chương *Phụ Hạnh* sách *Minh tâm bảo giám* viết: “*Phụ nhân trượng u nhân già thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tòng chi đạo: tại gia tòng phụ; thích nhân tòng phu; phu tử tòng tử, vô cảm tự đoai già*”. = Đàn bà là người nương dựa ở người, cho nên không có nghĩa chuyên chế mà có đạo tam tòng là: ở nhà thì theo cha, gả rồi thì theo chồng, chồng chết thì theo con, không dám làm theo ý muốn. *Minh tâm Bảo giám*-Tạ Thanh Bạch - dịch chú. Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1959.

<sup>12</sup> **Nổi thất nên gia:** Ý nói nên nhà nên cửa, nên vợ nên chồng.

*Vì câu hẹn ước mơ màng men mồi  
Lẳng tai nghe cuộc hát hò  
Dời chun bước tới già đà đi chơi  
Thình không chào hết một lời  
Tả nam, hữu nữ, hai nơi hảnh hời  
Gió lùa vườn hạnh<sup>13</sup> trăng soi  
Kẻ kiếm cung, người cầm nguyệt thi hành  
Chim kêu vượn hú trên nhành líu lo  
Nhức thốn tâm hà tất vô do<sup>14</sup>  
Ra về vừa tới bến đò  
Bâng khuâng nhớ lại mấy câu hò nữ nhi  
Chú đà ơi bớt ngủ một tí tí ti  
Tống nhơn lưu phước cho tui đi về nhà  
Sông dài thuyền ốc chèo qua  
Nhịp đôi bến lái xót xa dạ chàng  
Giậm chân xuống đất  
          kêu huớ ông<sup>15</sup> trời vàng  
Khi mô hòa đủ cặp,*

---

<sup>13</sup> **Vườn hạnh:** tục truyền ngày xưa bên Trung Quốc, vào đời nhà Tấn có một khu vườn trồng toàn cây hạnh đỏ, đến đời Đường, vườn này dùng làm nơi yến tiệc các quan Tiên sỹ. Sau các nhà quan sang trọng cũng bắt chước trồng hạnh đỏ ở vườn nhà. Do đó trong văn chương thường dùng chữ "Vườn hạnh" để chỉ các nhà quan sang, hoặc để nói người con gái đến thì, độ đào tơ, sen ngó. Trong bài "Hiếu sỹ từ nông phú" có câu: *Biết xuân vừa thuở trăng tròn, Vườn hạnh gặp thì hoa nở*. Hoặc trong bài "Gái nhờ thì phú" có câu: *Tiết xuân vừa độ, Vườn hạnh gặp tuần*."

<sup>14</sup> **Nhức thốn tâm hà tất vô do:** có ý rằng đau, nhức trong lòng mà không biết vì sao.

<sup>15</sup> **Huớ ông:** này ông (phương ngôn).

*chừ sang ngang có một mình*  
*Đặng trình cử bộ linh chinh<sup>16</sup>*  
*Đường dê, dẫu thỏ<sup>17</sup> thăm tình lăm ai ơi*  
*Buồn tình, nợ đút, phao trôi*  
*Nợ trôi mặc nợ, phao dòi mặc phao.*

*-Sớm mai ra đứng sông Tiên<sup>18</sup>*  
*Thấy giòng nước chảy ngã nghiêng tai bèo*  
*Bạn hẹn với ta ra đứng đợi đầu đèo*  
*Thấy cây xàu, lá xủ, con vượn trèo Ải Vân*  
*Bạn hẹn với ta ra đứng cầu Ngân<sup>19</sup>*

---

<sup>16</sup> **Đặng trình:** đang trên đường ; **cử bộ:** bước đi ; **linh chinh** (từ cỗ) như lênh chênh : không bền vững, không vững chắc.= Ý nói đang trên đường đi gặp ghềnh khó nhọc mà không vững chắc.

<sup>17</sup> **Đường dê dẫu thỏ:** chỉ sự vắng vẻ, hiu quạnh.

<sup>18</sup> **Sông Tiên:** ở Tiên Phước, Quảng Nam.

<sup>19</sup> **Cầu Ngân:** là một đoạn sáng lơ mờ về đêm giăng ngang trời, ta trông xa như một vùng nước nên gọi là sông Ngân (dãy Ngân hà). Ở đây ý nói như chửc Nữ và Ngưu lang chờ nhau bên bến sông Ngân vào ngày 7 tháng 7 hằng năm. Điền chép ở sách *Kinh sử tuế thời ký*, rằng ở hướng đông sông Ngân hà có Chửc nữ (cháu trời) thêu dệt rất giỏi, trời gả cho chàng Khiên Ngưu lang (chàng dất trâu) hoặc Ngưu lang. Chàng Ngâu. Từ khi có chồng, nàng Chửc nữ biếng nhác bỏ nữ công, không thêu thùa nên trời phạt bắt vợ chồng phải xa lìa nhau, mỗi năm chỉ gặp nhau vài giờ đêm mồng 7 tháng 7 (đêm thất tịch) tại bến sông Ngân hà. Trước khi hội ngộ có chim Ô thước (con quạ) đội đá bắt cầu sang sông Ngân. Đêm ấy, nhìn lên trời thấy bên sông Ngân hà có 2 ngôi sao gặp nhau trong ít lâu sau lìa nhau. Vào tiết thất tịch quạ đều sói đầu. Đến tháng 8 lại có những nui tơ trắng bay từ trên mây xuống. Đó là Chửc nữ buồn vì xa chồng mà xé khung cửu thả tơ bay.

*Cầu cao vọi vọi ngọn sóng Tần<sup>20</sup> vỗ quanh.  
Bạn hẹn với ta ra đứng cội tùng xanh  
Lắng tai nghe con Đỗ Quyên<sup>21</sup> than khóc,  
con chim Oanh<sup>22</sup> kêu sầu  
Bạn hẹn với ta ra đứng tựa sân lầu<sup>23</sup>  
Gió đưa lục liễu trên đầu bóng tre  
Bạn hẹn với ta ra đứng tựa hàng hòe<sup>24</sup>  
Ngoái nhìn mặt trời xế,  
lắng tai nghe ngọn gió chiều  
Đoái trong lòng vắng trước quạnh sau  
Đó rung rung mắt ngọc,  
đây thiu thiu dạ buồn sầu  
Hỏi người bạn cũ đi đâu  
Hỏi người mặt ngọc, nước da ngâu cam sành*

---

<sup>20</sup> **Sóng Tần:** sóng của sông Tần, tên một con sông ở bên Tung Hoa ngày trước. Câu "Giao vọng Tần xuyên can trường đoạn tuyết" (Xa xa nhìn sông Tần, ruột gan đã tan nát). Ở đây chỉ sự ngăn cách làm cho lòng người thương nhớ khôn nguôi. Trong **Kiều** của Nguyễn Du có: *Sông Tần một dải xanh xanh*.

<sup>21</sup> **Đỗ Quyên:** tức chim quốc (quác), còn gọi là Tu hú, O-ho, lông màu xám, mùa hè kêu suốt ngày đêm. Theo điển vua nước Thục tên Đỗ Vũ mất nước, vua chết hóa thành chim Đỗ quyên, hay Đỗ vũ cũng là chim quyên.

<sup>22</sup> **Chim Oanh:** lông vàng rất đẹp, kêu hót rất hay vào mùa xuân. Cảnh ở đây là cảnh liễu, cành dài như cái roi, lá nhỏ như lá tre mà dài. Mùa xuân trở lá có vẻ thướt tha, chim oanh thường đậu ở cây liễu.

<sup>23</sup> **Sân lầu:** sân lầu đài, cung điện nói chung dùng làm nơi trai gái hẹn hò, ca múa hát.

<sup>24</sup> **Hàng hòe:** Theo điển của Trung Hoa, ông Vương Hậu (Hậu) đời Tống có trồng 3 cây hòe trước sân, ý mong sau này con mình sẽ làm đến tam công, về sau quả thật như thế - "hàng hòe" ở đây nghĩa là anh em.

*Hỏi người mặt đỏ chun<sup>25</sup> mày xanh  
Môi son má phấn da sành đi đâu  
Chim kêu dưới vực vườn dâu  
Giang hồ, ôi (mà) lưu lạc, biết đâu mà tìm.*

Xưa, người xứ Quảng trước khi đi đến quyết định cuối cùng dựng vợ gả chồng cho con vẫn phải muốn biết tên, tuổi, họ chàng trai, cô gái mà còn muốn biết phía bên nội, ngoại của họ nữa, cả anh chị em trong gia đình. Bởi vì vấn đề này được kinh nghiệm dân gian chỉ ra rằng “*Mua thịt thì chọn miếng mỡ, lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi*” mới được. Đây là với nhà gái, còn với nhà trai thì lại quan niệm rằng “*Lấy vợ chọn tông, lấy chồng chọn giống*”, hoặc về mặt nào đó người xưa còn cho rằng: “*Ngó vô bếp lửa lem hem, con chị thể nó con em thể nào*”, lại thêm trong lễ thăm nhà phải kỷ lưỡng, bởi “người xưa trông về đường mẫu giáo con hư hay nên là do người mẹ quyết định”, điều này thể hiện trong tục ngữ xưa: “*Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*”. Chính đó mà người dân xứ Quảng cẩn thận khi dựng vợ gả chồng cho con cái. Đây là một mặt, lại còn xem xem có hợp về đường tuổi tác không, có đạt được yếu tố “tam hợp” hay gặp phải “tứ xung”<sup>26</sup>, nếu gặp phải tứ xung thì tránh. Thường trong dân gian cũng quan niệm rằng chênh lệch tuổi “*Gái hơn hai, trai hơn một*” là thích hợp.

*Coi mắt về ngoại hình thường theo quan niệm chung của người Việt là “Những người thắt đáy lưng ong, vừa khéo chịu chồng lại dễ nuôi con”, gái như vậy là gái có lưng chữ vu (*

---

<sup>25</sup> **Chun**: chân (bàn chân).

<sup>26</sup> **Tứ xung**: người xưa quan niệm 4 tuổi xung khắc nhau theo các cặp sau: Dần-Thân-Tỵ-Hợi; Tý-Ngọ-Mẹo-Dậu; Thìn-Tuất-sửu-Mùi.



), *vú chữ tâm* ( ) thế là gái đẹp rồi, có thể sinh được nhiều con và nuôi con tốt. Người xứ Quảng coi mắt không để ý nhiều đến ngoại hình lắm.

Về sau này, thực tế cuộc sống có khác, trong việc hôn nhân nam nữ cũng theo đó mà thay đổi dần quan niệm cũ, trong lục lễ giảm bớt còn ba lễ chính:

lễ dạm (dạm) tức lễ thăm nhà, hỏi tên, tuổi cô gái chàng trai;

lễ hỏi vợ - nói vợ (nạp tệ) - bỏ trầu cau;

lễ cưới (thân nghinh).

Mặc dầu còn sáu bước như cũ nhưng phần lễ đã không còn đặt ra nữa. Trong coi mắt có vấn danh, xem tử tướng tướng mạo hình dung yếu diệu ra sao để trong lễ nghinh hôn (cưới) không có chuyện tráo hôn được.<sup>27</sup> Để chuẩn bị phần lễ, người xứ Quảng dùng sản phẩm thổ nghi mang bản sắc địa phương như phức hợp trầu-cau-rượu (trầu hương sông Bung, cau thường là cau buồng còn tươi, đủ đôi; xứ Quảng nổi tiếng là cau Đại Mỹ), nước mắm (Nam Ô ở Hoà Vang, Hoá Ổ ở Quảng Ngãi), đường bát (đường Phú Bông), chè lá (Phú Thượng) mà không cầu kỳ gì thêm. Trong đó miếng trầu vẫn là đầu câu chuyện, không thể thiếu được.

---

<sup>27</sup> Xưa kia trong tập tục hôn nhân ở xứ Quảng vẫn có trường hợp không chỉ tráo dâu mà đôi khi còn tráo được cả rể. Các bước trong hôn nhân đều tiến hành đầy đủ, nhưng khi cưới vợ về nhà trai lại gặp một người chồng khác, hoặc anh, hoặc em chồng. vì thế mà trong ngày thỉnh kỳ, dâu “chường mặt” và cùng với chủ rể tương lai làm lễ gia tiên tại nhà gái còn nhằm xác định một lần nữa về hình dung diện mạo cô dâu và chàng rể.

Nhà trai thăm nhà gái xong, không chỉ vừa kết hợp quan sát trực tiếp mà còn thông qua hàng xóm láng giềng gần xa của cô gái và sự giải thích thuyết phục của mai mối để đi đến quyết định cuối cùng, bởi người ta nghĩ rằng “*cưới con dâu sâu con mắt*” nên phải xem kỹ trước sau cho chắc. Bên gái nếu thuận tình sẽ thăm lại nhà bên trai. Mỗi lần thăm ông mai là người quan trọng, đưa ra những thông tin chính xác về ý nguyện, sở thích của nhau trên cơ sở đó đôi bên cùng lo liệu. Vào giai đoạn này, nhà gái khước từ lễ thăm, việc hôn nhân bế tắt.

Trường hợp, sau lễ thăm nhà, hai bên gia đình cho tác hợp thành đôi vợ chồng được, đôi thanh niên nam nữ nếu đã yêu nhau thì vui mừng hạnh phúc, tỏ thái độ nhớ thương trong chờ đợi chừng ba năm nữa. Tâm tình ấy được thể hiện qua điệu hát:

*-Núi Kỳ sơn<sup>28</sup> chim bay xoè cánh  
Sông lạc thủy<sup>29</sup> con cá chạy lòi kỳ  
Phụng nhìn, hạc múa, loan phi  
Đào thơ liễu yếu, sơn Kỳ, điều minh<sup>30</sup>  
Nhìn xem phong cảnh hữu tình  
Duyên đâu đem đến cho mình tự nhiên  
Trai tơ gặp gái thanh yên*

---

<sup>28</sup> **Kỳ Sơn:** tên một ngọn núi. Kỳ sơn còn gọi là Núi Kê là một trong những ngọn của núi Phước Tường thuộc xã Hoà Phát, huyện Hoà vang, nay là phường Hoà Phát, quận Cẩm Lệ. Xem: “**Lịch sử Đảng bộ xã Hoà Phát – 1930 – 1975.** Nxb Đà Nẵng 2006. Tr 18.

<sup>29</sup> **Lạc thủy:** *lạc* là chảy; *thủy* là nước. Nước chảy dài

<sup>30</sup> **Đào thơ liễu yếu, sơn kỳ điều minh:** có ý rằng *cây đào còn tơ, cây liễu còn yếu, trên núi con chim điều hót.*

*Đường trời khéo vẽ đưa duyên vuông tròn  
Thanh trà gặp trái lòn bon<sup>31</sup>  
Nhắm mùi thú vị lòng còn thêm tươi  
Trải qua đôi cụm cảnh người  
Cá đua dưới nước, chim cười trên non  
Trời đà định cuộc vuông tròn  
Trăm năm tạt dạ lòng son chờ chàng.*

Còn nếu không thể tác hợp được sau khi đã xem qua có hợp hay xung khắc<sup>32</sup>, đây là trường hợp bình thường cho các mối duyên “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” nhưng lại gây buồn phiền cho đôi trai gái đã yêu nhau rồi. Và thế là lời than ai oán của họ phải cất lên:

*-Ôi thôi rồi thiệp bắc chàng đông  
Cha già, mẹ yếu, ngồi trông bơ phờ  
Ở em ơi, biết bao chừ cho tóc bạc thành tơ  
Cha già, mẹ yếu, biết cậy nhờ chi ai  
Đêm nằm nước mắt lãng lai  
Phải chi bầu rưng, rã đài lưa đôi  
Cắm cần chỉ đứt, phao trôi  
Cá đi phân cá chim ngồi rừng xanh  
Ở bạn ơi, làm sao mà trai thương đoạn gái nhớ đành*

---

<sup>31</sup> **Lòn bon:** loại trái cây còn gọi là Nam trân, vị ngọt, chua, chín vào tháng 7- 8 âm lịch có nhiều ở vùng núi Đại Lộc, Quảng Nam

<sup>32</sup> Những tuổi người xưa cho là hợp nhau (tam hợp): *Dần-Ngọ-Tuất; Thân-Tý-Thìn; Tỵ-Dậu-Sửu; Hợi-Mão-Mùi*. Những tuổi được xem là không hợp (tứ hành xung): *Dần-Thân-Tỵ-Hợi; Tỵ-Ngọ-Mẹo-Dậu; Thìn-Tuất-Sửu-Mùi*.

*Con cá sấu đũa con cá ỏm, con chim sấu cành con  
chim khô  
Cá lui về biển thăm, bỏ chiếc nơm khô một mình.*

Tuy thế, vẫn có rất nhiều những trường hợp dầu không  
tác hợp được nhau, đôi nam nữ vẫn có thái độ lạc quan, tin  
tưởng, động viên cho nhau vươn lên trong cuộc sống, người  
Quảng có bi nhưng không lụy:

*-Cũng tại nơi ta nên tội lây cho tới bạn  
Trách phụ mẫu nhà tẻ bạc lấm thay  
Nên chi đánh thiệp mới đau lòng chàng  
Một roi tím ruột bầm gan  
Hai roi thương đến nghĩa nàng nàng ơi  
Ba roi chân rụng tay rời  
Bốn roi thương thiệp thiệp ơi  
Năm roi đứng sá chơi vui ngoài đàng  
Sáu roi thấu đến thiên hoàng  
Bảy roi nhớ đến nghĩa nàng bâng khuâng  
Tám roi bước đến đầu sân  
Chín roi trong dạ bâng khuâng trong lòng  
Mười roi ngó bộ không xong  
Muốn vô lãnh thế nhưng lòng ngại nghi  
Thà không quen biết nhau chi  
Nay chừ quen biết khổ làm ri hủ trời !*

*-Ở nhà mới bước đến đây  
Xem trăng chưa tỏ, xem mây chưa tường  
Buông lời thiệp hỏi người đứng  
Ta không xao lãng, biểu bạn đừng lãng xao*

Trăng lờ còn sáng hơn sao  
Núi kia có lở còn cao hơn gò  
Biểu bạn về đặt liền ngâm thơ  
Để thiếp bán buôn cho phụ mẫu nhờ vài năm  
Ươm tơ chỉ nhớ con tầm  
Ăn trái chi ngọt cũng hỏi thăm người trông.

-Quyết lòng tìm bạn cố tri  
Tìm không đặng bạn, ta đi trở về  
Xin cho gặp mặt trả mấy lời thề  
Kéo mình sơn trói, nặng nề trong lưng  
Quyết lòng tìm đặng dấu chơn  
Kéo mà giọt lụy nó rưng rưng hột hồng  
Một mai em xách nón theo chồng  
Chữ trung, chữ hiếu, chữ tòng em đừng quên  
Gái có chồng, trai có vợ, không quên nghĩa đôi  
nghèo  
Câu ân tình buộc trói đem theo  
Dầu trăm năm đi nữa, nghĩa đôi nghèo không quên.

Nữ: - Thiếp chờ chàng năm thìn, năm tỵ cho chí năm  
Thân  
Bước qua năm sừ năm dần là sáu năm dư  
Thiếp chờ chàng đà mãng tháng tư  
Chàng không bước đến để phụ mẫu ừ nơi xa  
Thiếp mời chàng mười sáu tháng tư qua nhà  
Trầu ăn rượu uống nơi xa họ kết nguyên  
Cây cao bóng ngã qua triền  
Thôi thì chàng về kiếm vợ chớ đừng phiền mà hư

*Nam: -Anh phân với em ngôn tận lý từ  
Coi ngày mười sáu tháng tư qua nhà  
Không may em có nơi xa  
Mời anh qua nhà tội lăm em ơi  
Huý thôi rồi giấy rã hồ trôi  
Mời anh đến đó biết ăn ngồi vào đâu  
Mời qua uống rượu ăn trầu  
Hay là em trao thăm trao sầu cho anh  
Mời thời anh chịu, đi thời anh không  
Hai hàng nước mắt rưng rưng  
Buổi tiền duyên ta nặng nợ  
Nay không đặng vợ với chồng thời thôi.*

### **3. Lễ hỏi vợ (hứa hôn, đi nói, bỏ trầu cau):**

Thăm nhà xong một thời gian, hai bên gia đình thân tình đi lại thăm nhau, nhà trai nhờ ông mai (bà mối) sang nhà gái xin được đi bỏ trầu cau. Trong chuyến đi này ông mai mang về cho nhà trai một tờ thiệp màu vàng có nơi gọi là “thiệp phổ”, trong ghi đầy đủ những yêu cầu mà bên gái muốn. Nếu bên nhà trai thuận lòng thì sắm sanh “đặng vật thanh ba” đi hỏi. Bởi người xưa quan niệm rằng “rào thưa hơn bỏ trống”, bèn tiến hành chọn ngày giờ cho một ngày bỏ trầu cau sớm nhất. Đây là lễ quan trọng và căng thẳng, căng thẳng do có thách cưới của nhà gái. Từ khi nhà gái nhận lễ hỏi cũng là lúc cô gái xem như đã có chồng. Mặc dầu chưa có lễ cưới chính thức song bình thường phải thực hiện đúng theo đạo “tam



tòng”<sup>33</sup>, người con gái vẫn phải tùy thuộc về phía nhà chồng. Từ đây việc hôn nhân đã đi được một nửa đoạn đường xem như chim sắp vào lồng, cá sắp cắn câu rồi. Và thế là ba năm sau vào một ngày đẹp trời nào đó cô gái rời nhà cha mẹ về với “người dung” với tư cách “xuất giá theo chồng” hay còn gọi là lễ vu quy.



Cầu Vàng (VVH)

Trong lễ đi hỏi vợ ở xứ Quảng, ngày xưa tục phải sắm sanh cho lễ gồm sản vật địa phương như: tợ thịt heo còn sống, hai chai rượu khắn chắc có dán chữ song hỉ màu hồng điều bên ngoài, một rần bánh tráng, chè. Trong lễ không thể không có phức hợp trầu-cau-rượu và một đôi bông tai hoặc nhẫn bằng vàng (ta). Vàng được xem là biểu hiện “duyên con gái”. Ngay trong lễ này cô dâu tương lai được gọi lên trình mặt

---

<sup>33</sup> **Tam tòng:** Xem Thiên thứ hai mươi, chương Phụ Hạnh sách Minh tâm bảo giám viết: “*Phụ nhân trượng u nhân giã thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tòng chi đạo: tại gia tòng phụ; thích nhân tòng phu; phu tử tòng tử, vô cảm tự đạoi giã*”. = Đàn bà là người nương dựa ở người, cho nên không có nghĩa chuyên chế mà có đạo tam tòng là: ở nhà thì theo cha, gả rồi thì theo chồng, chồng chết thì theo con, không dám làm theo ý muốn. **Minh tâm Bảo giám**-Tạ Thanh Bạch - dịch chú. Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1959.

và bên nhà trai sẽ cho cô gái một ít quan tiền gọi là cho dâu “chường mặt”.

Trước khi ra về bên nhà trai không quên xin cho con trai mình được “nhập tế”<sup>34</sup> trong nhà. Sau lễ hứa hôn, đôi trai gái chờ nhau từ ba đến bốn năm nhưng không được chẵn gối, mãi cho đến khi lễ cưới chính thức diễn ra, xem như việc hôn nhân kết thúc. Trong ba năm chờ nhau, gia đình bên trai thường có tục mang lễ sang nhà gái trong dịp Tết gọi là “đi tết sui gia”, “đi tết ông mai bà mối”, và có lễ cho các ngày giỗ kỵ...

Với quan niệm “*Con gái là con người ta, con dâu mới thật mẹ cha đem về*” nên các bậc cha mẹ, họ hàng đôi khi quyết định hôn nhân theo quyền lợi, theo sở thích riêng của mình. Trong xã hội xưa ở xứ Quảng, có những cuộc hôn nhân không có nghĩa trong cuộc sống, thực tế do đôi trai gái đâu đã yêu nhau hồi nào, chỉ vì cha mẹ thuận lòng, con phải nghe theo. Đây là chưa kể có khi suốt ba năm không thấy mặt người “thương”, lại có khi “coi mắt” người này, đến khi lễ nghinh là một người khác.

Do thế mà có những cuộc hôn nhân chia tay nhau sau cưới ba ngày, có khi tan vỡ ngay trong ngày “lại mặt”:

...

*Cha mẹ sở định sở sinh  
Làm dâu mấy bữa dứt tình ra đi  
Ông gia mi kiếm trên nó  
Bà gia mi kiếm dưới ni*

---

<sup>34</sup> **Nhập tế:** Tức xin được lui tới nhà gái nhằm tìm hiểu thêm về người vợ tương lai, đồng thời còn phụ giúp cho cha mẹ vợ những công việc nông tang cày cấy, việc trọng trong nhà.

*Thằng chồng mi lại khóc ròng  
Kẻ thời lại đón ngõ trong  
Người thời lại nói trong làng thợ may  
Số mi là số trời đày  
Đi năm bảy ngày tau kiếm không ra  
...  
Hồi xưa có cây mai dong  
Có heo có dẽ<sup>35</sup> có vòng bông tai  
...*

#### **4. Lễ xin cưới (thân nghinh)**

Là giai đoạn chuyển tiếp, chuẩn bị cho cho lễ nghinh hôn. Xứ Quảng xưa quan niệm lễ này không quan trọng, chỉ cần cặp rượu, trầu cau là đủ để mở đầu câu chuyện, là phương tiện vào đề cho một giai đoạn quan trọng hơn, chấm dứt một quá trình chuẩn bị, đợi chờ.

#### **5. Thỉnh kỳ**

Đây là một bước áp kê lễ thân nghinh. Những bước trước thỉnh kỳ đã được mai mối giúp sức vượt qua thuận lợi, họ hàng nhà gái và nhà trai không có ra vào gì nữa. Lễ thỉnh kỳ hoàn toàn thuộc về bên nhà trai, bên gái chỉ tạo điều kiện cho bên trai đặt vấn đề. Trong lễ thỉnh kỳ có tục “*thăm dâu nộp tuế*”, tức là lúc cô gái lên giữa căn trung, trước bàn thờ ông bà cùng với chàng trai kính lạy tiên tổ, có ý nghĩa rằng người con gái tạ ơn tổ tiên nhà mình trước khi xuất giá tòng phu. Đối với

---

<sup>35</sup> Dẽ: tiền thách cưới do nhà gái ấn định.

chàng trai việc thành kính tiên tổ nhà vợ chúng tỏ sự biết ơn, kính trọng tổ tiên mới có được người vợ hiền.

Trong lễ thỉnh kỳ của hôn nhân xưa, nhà trai trình ra ba loại tiền tệ, một là tiền dùng vào việc mua sắm, tổ chức một buổi tiệc (nay gọi là tiền dọn), hai là vật dùng quy thành tiền (áo quần, vòng vàng, bông tai...), ba là tiền cho dâu để mua sắm những vật dùng cần thiết trong ngày cưới. Xưa, hôn nhân quyền quyết định thuộc về “ông bà cha mẹ” (phụ mẫu chi mệnh<sup>36</sup>) còn có vai trò đáng kể của người làm mai dong (môi chức chi ngôn),<sup>37</sup> đã hướng dẫn, tỏ bày, thuyết phục trước. Trong thỉnh kỳ, bên trai trình ra một tờ giấy gọi là “*tờ sính lễ*”, trong đó có ghi những phẩm vật mà bên gái đã yêu cầu. Đây là một bằng chứng cho gả bán trong hôn nhân theo một

---

<sup>36</sup> **Hoàng Việt luật lệ**, quyển 7-Hộ luật hôn nhân- Điều 1: *Nam nữ hôn nhân, ghi: “Cưới gả đều do ông bà cha mẹ làm chủ hôn. Nếu không có ông bà cha mẹ thì do những người thân thuộc khác làm chủ hôn. Con gái đến tuổi lấy chồng mà cha đã chết thì mẹ làm chủ hôn”*. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu dịch. Nxb VH-TT, Hn năm 1999. Trang 318.

<sup>37</sup> Trong dân gian xứ Quảng còn lưu hành câu hát đối đáp:

**Nữ:**

-Ông làm mai cho tui thành vợ, thành chồng  
Mai sau thành hôn chi mỹ, tui kính cái đầu cho ông  
Sớp em<sup>37</sup> nó đại, nó hót hết mũi tai  
Xách cái đầu trụi trụi nào ai cũng tức cười

**Nam:**

-Tao làm mai cho hai đứa bay thành vợ, thành chồng  
Thành hôn chi mỹ, bay kính cái đầu cho tao  
Bay đà khăn khoán ông bà bây chưa  
Bay ăn chi không để, không chừa  
Mũi tai ăn hết, bay xách cái sọ dừa đi đâu?<sup>37</sup>

quy trình khép kín: xem mặt hàng (dạm); đặt cọc (xêu); mà cả (hỏi); trả tiền, lấy hàng(cưới). Có khi có tục cưới chịu đi kèm với lễ tiên chưng nhà trai nộp một phần tiền thách cưới (do nhà gái quy định thông qua mai dong), cho nhà gái vào ngày cưới hoặc ở lễ thỉnh kỳ, còn để chịu lại đến khi rước dâu mới trả<sup>38</sup>

*Trai: - Lễ giá thú chờ ngày thúc giục  
Tiền nghinh hôn gặp lúc giao trang  
Em về thưa với huyên đường<sup>39</sup>  
Đòi đi mấy lễ đây chàng cũng dâng  
Đòi thời phải phải phân phân  
Đến một trăm lễ chàng mân chàng đi  
Đến mai tỵ rạp thỉnh kỳ  
Tiền heo đóng đĩa vậy thì ba khiêng  
Có đâu lễ cưới giao liền  
Dâu ra chường họ cho riêng bảy chục đồng.*

*Gái: - Nhà em chật hẹp chẳng làm chi đông  
Tám mươi sắp lại, nửa đàn ông  
nửa đàn bà  
Đàn ông mang những guốc da  
Mặc quần vải xuyên, áo lương tra nút chiền  
Trên đầu bịt một sắc huyên  
Đi dù Lục Soạn như tiên (mà) non bông  
Mời thời nường họ, nường ông  
Đàn bà sang như các bà*

---

<sup>38</sup> **Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại** – Lê Thị Nhâm Tuyết – Nxb/KHXH, Hn 1975.

<sup>39</sup> **Huyên đường**: tức về phía bên mẹ.

*Quần lãnh bông các bã bận dày  
Khăn bông xoa, quạt Huế cầm tay<sup>40</sup>  
đâu bịt khăn nhiễu, phượng loan dị hình  
Chun mang một bộ giày đinh  
Đội nón chũm Huế, họ mình thậm sang  
Trai khiêng bận áo lương toàn  
Có chi bận này thời chàng cũng minh  
Bước vô làm lễ trong đình  
Khai niêm mở rượu hộp,  
thoả tâm tình hai đũa ta  
Hai ngày hội họp sui gia  
Khai niêm mở rượu hai ta lập đời  
Chuyện này không thể nói chơi  
Có tiền cưới vợ còn cầu dòi mai dong.*

Xuất phát từ tục lệ xưa như vậy nên tờ sính lễ giống như một vi bằng làm tin, nếu mà thiếu gì, nhà gái căn cứ vào tờ sính lễ ấy mà tiếp tục đòi. Và cũng trong ngày này, hai bên gia đình quy định số người thân, họ hàng nam nữ tham dự trong lễ cưới (chánh sính), người xưa không chọn số lẻ. Những người được chọn phải khoẻ mạnh, tròn đôi, không ở goá, không có người ly dị, ăn nói phải có duyên. Thanh niên nam nữ dự trong lễ cưới phải nhanh nhẹn, hoạt bát. Hai bên nhất trí chọn ngày, giờ rước dâu, thực hiện lễ gia tiên (hoặc không rước dâu thì xin được gởi rể).

## **6. Lễ chánh sính (lễ cưới):**

---

<sup>40</sup> **Bông - xoa:** tức khăn mu - xoa (khăn tay), đọc trại âm tiếng Pháp (mouchoir).

Bước cuối cùng của quá trình hình thành một gia đình son trẻ là lễ cưới. Lễ cưới được tiến hành lớn nhỏ tùy thuộc vào của cải của mỗi nhà. Trước đó độ mươi ngày cả hai nhà trai, gái thông báo cho họ hàng biết ngày giờ cử hành hôn lễ để tham dự. Trước ngày cưới một hôm có tục “nhóm họ”, nhằm thông báo cho họ hàng nội ngoại biết rằng tác thành gia thất cho con. Trong nhóm họ, những người là nội ngoại chàng trai hoặc cô gái có cho (ủng hộ) gia đình cô dâu (chú rể) tiền hoặc quà cưới góp vào ngày vui của chàng trai, cô gái, mong rằng duyên nợ bền lâu.



*Đám cưới quê (Ảnh minh họa)*

Phía bên gái, người thân chúc hạnh phúc bằng hiện vật hoặc bằng tiền ngay trong buổi nhóm họ. Hôm sau trong lễ cưới, chỉ những người được mời theo số lượng quy định trong lễ thỉnh kỳ tham dự mà thôi.

Phía bên nhà trai, ngay trong ngày cưới, dẫn một đoàn số lượng đã quy định sang nhà gái, trước khi vào nhà có tục “trình



giờ” (thân nghinh) do ông mai mang vào nhà gái trình báo rằng phía nhà trai đã đến, xin ý kiến nhà gái cho vào. Được nhà gái đồng ý mời, lại cử một người nào đó trong họ hàng ra đón tận đầu ngõ. Nhà trai mang lễ vật: trầu-cau-rượu, bông tai, nhẫn cưới, trà, chè đến nhà gái nhằm tiến hành dâng lễ xin được rước dâu. Nhà gái kiểm soát xem đủ lễ thì đồng ý và chấp nhận hôn nhân đã thành và tiến hành dâng lục lễ, trong đó lễ gia tiên là chủ yếu. Ở xứ Quảng, xưa kia một vài vùng tiến hành dâng lục lễ cả bên nhà gái (trừ lễ tơ hồng) và nhà trai, một số vùng chỉ cử lễ gia tiên bên nhà trai. Lễ bắt đầu bằng việc hai sui gia thắp hương, đèn lên bàn thờ tiên tổ, vị chủ hôn bên nam khẩn với gia tiên nhà mình về việc tiến hành lập đời (cưới vợ) cho con trai (hoặc cháu nội). Mọi người từ trong ra ngoài đứng lên hướng về nơi thờ tự. Cô dâu, chú rể đứng hai bên. Lễ xong, đôi vợ chồng trẻ lạy tạ ông bà, cha mẹ hai bên. Kế là trao nhẫn cưới, cô vợ nhận nhẫn cưới từ người chồng. Lễ chấm dứt tại đây. Ngoài sân, người ta châm một dây pháo nổ vang trời báo hiệu rằng hôn nhân đã thành sự thật và cũng có ý thông báo với xóm giềng giờ vui nhất của đôi nam nữ đã bắt đầu.

Vùng Quảng Nam những năm sau cách mạng Tháng Tám, tờ sinh lễ được giao trình ngay trong lễ chánh sinh mà không phải trao ở lễ thỉnh kỳ như thời kỳ trước nữa. Nay ở Quảng Nam – Đà Nẵng đã bỏ tục này.

## **7. Việc dâng lục lễ:**

Xưa, ở xứ Quảng trong lễ chánh sinh, trước khi tiến hành lễ gia tiên có tục dâng lục lễ, đó là:



-Một: Lễ Bà chúa sinh thai và mười hai bà mẹ <sup>41</sup>(mỗi bà mẹ chịu trách nhiệm trông coi một tháng trong năm). Lễ dâng chủ yếu là trầu cau và rượu, ước nguyện rằng nhờ ơn Bà chúa sinh thai giúp đỡ khi sinh ra “mẹ tròn con vuông” đến nay khôn lớn “xuất giá tòng phu”. Thực tế Mười Hai Bà Mẹ không rõ ràng.

- Hai: Lễ gia tiên như trình bày trên.

- Ba: Lễ cho người làm mai dong, tạ ơn mai mối, chủ yếu dùng trầu- cau- rượu ghi nhận thiện chí của ông mai đã có công tham gia tác hợp cho đôi trai gái nên vợ nên chồng.

- Bốn: Lễ Phụ mẫu sinh thành, tạ ơn cha mẹ bên nhà gái đã có công sinh đẻ, nuôi dưỡng khôn lớn nên người. Đôi vợ chồng trẻ trước khi sống với nhau phải biết ơn công sinh thành ấy.

- Năm: Lễ công cô biết ơn cô, chú, bác, nội ngoại của cô gái đã tận tình dạy dỗ, giúp đỡ, bảo ban...

- Sáu: Lễ tơ hồng, lễ này rước dâu về nhà chồng mới tiến hành. Hình thức là cúng Ông tơ Bà nguyệt<sup>42</sup> đã lưu tâm “xe tơ

---

<sup>41</sup> **Mười hai bà mẹ:** chỉ những nhà khá giả mới thờ 1 khám bằng gỗ bên phải nhà, đôi khi chạm trổ công phu treo trên bức phen ngăn phòng cô dâu. Khám được thờ Đoàn cung Thánh mẫu (Bà bốn mạng của phụ nữ) còn gọi là Bà hoặc Mười hai bà mẹ. Thực tế những gia đình khá giả ở xứ Quảng xưa kia treo trong khám 1 bức tranh màu đỏ nền vàng có vẽ mười hai khuôn mặt phụ nữ sắp thành hai hàng. Xem đó, người dân xứ Quảng thấy rằng không có căn cứ thực tế để nhìn nhận vai trò Mười hai bà mẹ trong tục sinh đẻ. Vả, những gia đình khá giả thì vậy, còn nhưng đôi vợ chồng nghèo không thờ Đoàn cung Thánh mẫu, Bà Chúa Cừ Trưng, Bà Chúa Liễu Hạnh, Bắc thần và nhiều vị khác... chẳng lẽ họ không sinh được con, thực tế họ vẫn sinh con đàn. Quan niệm dân gian người Quảng cho rằng Mười hai bà mẹ phù hộ cho trẻ sinh ra, ban sữa cho bà mẹ, gia tăng khẩu vị cho đứa con, khiến nó nên thông minh nếu nó là con trai, nên tháo vát nếu là con gái. Chính vì không có cơ sở thực tiễn mà ở xứ Quảng đã lâu lễ tạ Bà chúa sinh thai đã không còn thực hiện trong tục sinh đẻ và tục hôn nhân nữa.

<sup>42</sup> **Ông tơ Bà nguyệt:** Theo điển Vi cổ đời nhà Đường khi trọ ở đất Tống Thành, một đêm trăng đi dạo gặp một ông lão ngồi tựa lưng vào một cái túi lớn, trong túi đựng đầy dây tơ

kết tóc” nên duyên. Lễ đặt ngay trong phòng của đôi vợ chồng mới cưới, xong hai vợ chồng cùng ăn lễ vật ấy, xem như lần đầu tiên đôi vợ chồng cùng ăn chung một mâm cơm với nhau. Trong lễ Ông tơ Bà nguyệt thanh niên xứ Quảng thi vị hoá hạnh phúc của mình qua câu hát giao duyên:

*-Hai đưa ta vào làm lễ Ông Tơ<sup>43</sup>  
Chàng cầm chén rượu, thiếp giơ miếng trầu  
Lạy cha xin rượu, xin trầu  
Lạy mẹ xin chiếc ghe bầu năm trăm  
Lạy anh có ít một trăm  
Lạy chị xin năm chục đồng  
Hai đưa ta thuận vợ, thuận chồng  
Mua hàng mua hoá chở sông Sài Gòn.*

Nay, việc dâng lục lễ đã được người dân xứ Quảng chọn lọc , tiến hành chung trong lễ gia tiên là đủ.

## **8. Những việc không nên trong tập tục hôn nhân:**

Xứ Quảng, người xưa thường thực hiện một số kiêng cử đi kèm, mặc dầu những kiêng cử này không thực hiện như tục sinh đẻ, song theo quan niệm dân gian vẫn phải lưu ý đến.

---

đỏ, đang hướng về phía mặt trăng mà điếm sách. Vì cô hỏi, ông lão trả lời đây là văn thư kết hôn của thiên hạ, còn những sợi tơ đỏ thì dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Dù cho hai người có ở xa nhau, thù oán nhau không cùng quê quán, nhưng khi dây chỉ đỏ đã buộc chân họ lại rồi, tất sẽ ăn ở hoà thuận nhau.

<sup>43</sup> **Lễ Ông tơ:** Dùng một con gà mái tơ, xôi, chè, một trăm miếng trầu cau, ba ly rượu là lễ. Sau lễ chồng mời cô vợ một ly rượu (có thể nhấp môi, không uống), hai ly còn lại mời hai vị chánh và chủ lễ. Một trăm miếng trầu cau đôi vợ chồng mời bà con thân thuộc, hàng xóm láng giềng. Xứ Quảng xưa có vùng còn làm lễ “*nhạn điện*” trước giờ động phòng, nhưng nay đã bỏ vì xét thấy không phù hợp với thực tiễn.

Người ta kiêng không bày biện nhắm vào số lẻ từ chỗ ngồi, chén đĩa đến ly tách ...Ly, chén bát vỡ trong ngày cưới là “không nên”, e làm ảnh hưởng đến hạnh phúc lứa đôi. Khi nhà trai rước dâu, cha mẹ cô gái không nên tiễn đưa, e rằng chịu tiếng thị phi cha mẹ còn nuôi tiếc con gái. Khi rước dâu về, cô dâu chú rể luôn là người đi sau cùng đoàn người. Về đến nhà trai, tục xưa không rước ngay vào căn trung nhà mà phải vòng từ nhà dưới đi lên do quan niệm rằng chưa làm lễ gia tiên thì chưa được chính thức là dâu trong nhà. Ngay trong ngày cưới đông, nhưng trong phòng ngủ của đôi vợ chồng trẻ chiếu vẫn chưa trải trên giường (chưa động phòng) cho đến khi làm lễ tơ hồng chiếu mới được trải ra và chỉ có đôi vợ chồng mới được động phòng. Việc kiêng cử này được tính từ ngày chọn phòng, đưa giường chiếu mới vào phòng cho đến khi tiến hành lễ tơ hồng. Với sự phát triển của xã hội ngày nay, cách mách miệng nhau kiêng cử như vậy trong tục hôn nhân không thực hiện nữa.

## **9. Những việc nên trong tập tục hôn nhân:**

Tập tục hôn nhân cưới hỏi đồng thời với những kiêng cử còn quy định, những thể lệ nên thực hiện. Chẳng hạn sau lễ hỏi vợ nên mang trầu cau biếu nội ngoại (bên gái) và hàng xóm láng giềng nhằm hàm ý thông báo rằng cô gái đã có nơi chốn nương thân rồi, đồng thời tỏ lòng biết ơn những người thân, hàng xóm láng giềng. Việc đi biếu trầu cau có cả chú rể cùng đi. Trong lễ cưới, nếu cưới rước, ba ngày sau cặp vợ chồng son trở về lại nhà cha mẹ vợ gọi là lễ “phản diện”. Trường hợp cưới gởi rể, sau ba ngày không có sự cố gì xảy ra đang sống hoà thuận thì hai bên sui gia gặp nhau tại nhà gái

bắt đầu “khai hộp”. Nhà trai trao lễ vật có ghi trong tờ sính lễ cho cô con dâu. Trường hợp sau ba ngày mà sống không hợp nhau có điều nghi ngờ trong lễ tơ hồng thì nhà gái hoàn trả toàn bộ lễ lại cho nhà trai bằng cách trao hộp đựng lễ vật. Ngày nay sính lễ đã được bỏ hẳn.

Xuất phát từ quan niệm đạo đức đối với người phụ nữ xuất giá, trong bảy điều người chồng được quyền bỏ vợ có điều nói về *dâm loạn* cũng hàm ý chỉ đến trinh tiết của người phụ nữ. Cô dâu còn trong trắng ấy là thật, bằng ngược lại không còn trinh tiết là đã vi phạm vào “thất xuất”<sup>44</sup>. Chính vì chỗ này mà có “lễ khai hộp” sau ba ngày cưới. Ở xứ Quảng tội thất xuất không được dân gian quy kết nặng lắm song không phải là không có. Thất xuất được ghi trong điều 3, một trong 24 điều răn dưới thời Lê Thánh Tông: “*Vợ chồng cần kiệm làm ăn, ân nghĩa trọn vẹn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất xuất thì mới được bỏ, chứ không được khiên ái, cầu dung làm hại đến phong hoá*”<sup>45</sup> Về sau được ghi lại trong điều 108 Luật Gia Long và nếu người chồng phát hiện người vợ phạm *nghĩa tuyệt* (tức thất xuất) nên li dị mà không li dị thì phạt 80 trượng<sup>46</sup>. Nay, với tập tục hôn nhân đã có *Luật hôn nhân và gia đình* ban hành rộng rãi, người dân đã không còn sử dụng tục lệ như thời phong kiến cũ.

---

<sup>44</sup> **Thất xuất:** Vô tự (không con, không con trai), dâm dật (lãng lơ), bất sự công cô (không thờ ông bà bên chồng), khấu thiết (lắm điều, nhiều chuyện), đạo thiết (ăn cắp), đố kỵ (ghen tuông), ác tật (có bệnh đặc biệt).

<sup>45</sup> **Việt Nam sử lược**- Trần Trọng Kim- quyển 1. Trang 258 Sđd. Cũng xem **Việt Nam sử lược**. Nxb. VH-TT Hn 1999. Trang 260,262.

<sup>46</sup> **Hoàng Việt luật lệ**- Tập 3. Sđd. Trang 343.

Dù cho chế độ phong kiến quy định đã trở thành pháp quy trong hôn nhân, nhưng tùy theo sự phát triển nhiều mặt của mỗi vùng miền và tùy thời, mỗi nơi mỗi khác trong cách thực hành tập tục hôn nhân ở xứ Quảng. Từ thời Lê, khi người dân xứ Quảng mới chỉ là những lưu dân khai sơn, phá thạch lập nên làng xóm, ổn định cuộc sống lâu dài ở vùng đất mới, việc quy định cho hôn nhân vẫn có những ưu điểm nghiêng về phía người phụ nữ. Điều 308 của bộ Luật Hồng Đức có quy trách nhiệm của chồng đối với vợ, nếu chồng lơ là vợ đến 5 tháng hoặc một năm không đi lại thì vợ có quyền làm giấy trình quan để bỏ chồng. *“Chồng xa cách vợ không lui tới suốt 5 tháng (thì vợ được phép trình quan sở tại, quan xã làm chứng) thì chồng đó mất vợ. Nếu đã có con thì gia hạn một năm. Những người công sai đi xa thì không áp dụng luật này. Nếu đã thôi vợ mà cản trở người khác cưới vợ cũ thì xử biếm”*.<sup>47</sup>

Như vậy, tục lệ hôn nhân đặt ra và lưu truyền qua nhiều thế hệ ở xứ Quảng đến nay vẫn còn duy trì, có những thành tố tiên bộ được thay thế cho những yếu tố lạc hậu. Tựu trung tập tục hôn nhân thời nay vẫn có sự kế thừa những thành tố cũ trên cơ sở thực hiện những thành tố mới vào trong lễ tục hôn nhân gia đình. Nay tập tục hôn nhân được tiến hành trên cơ sở thực thi *Luật hôn nhân gia đình*, phù hợp với cuộc sống đương đại của người Quảng.

Xưa kia, nhân dân lao động xứ Quảng đa phần họ sống khổ cực trên mảnh đất vừa mới khai phá, vừa thiếu ăn, vừa thiếu mặc nên đành chịu mù chữ (cả Hán học, Tây học và quốc

---

<sup>47</sup> Lê triều hình luật- chương Hộ hôn, điều 308, trang 171- Nguyễn Q Thắng, Nguyễn Văn Tài dịch nghĩa, hiệu đính. Nxb VH-TT. Hn, 1997.

ngữ), chỉ một số ít được trang bị chữ nghĩa. Mãi về sau này tình hình mới được cải thiện một bước đáng kể trong phong trào vận động nếp sống mới từ phong trào Duy tân đem lại do các cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp khởi xướng. Trong số những người khổ cực ấy, thành phần nữ giới chịu thiệt thòi hơn, trong đó có vấn đề hôn nhân được tiến hành gần như gả bán mà không có cách nào biện minh được. Điều này đã trở thành tục lệ, góp phần vào việc hình thành phong tục hôn nhân trở nên điển lệ, thay đổi rất chậm chạp.

Tục lệ ấy nghiệt ngã, không có lối thoát, thanh niên nam nữ yêu nhau được hay không đều được giải thích bằng số mệnh dựa trên tư tưởng của triết lý âm dương-ngũ hành.<sup>48</sup> kết hợp với phương thức tư duy chủ toàn tồn tại đã lâu đời. Chính đó đã ràng buộc làm cho tiến trình một hôn nhân trải qua sáu giai đoạn, kéo dài thời gian, buộc phải chờ đợi. Cơ sở thực tiễn thời bấy giờ chưa cho phép lý giải khác được các quan niệm xoay quanh vấn đề con người ngoài quan niệm thần quyền, chỉ biết rằng đây là do thiên định và nhờ Ông tơ Bà nguyệt tạo nên, từ đây có thể tìm thấy những lời lý tự sự, than vãn gắn liền với cuộc đời những đôi tình duyên trắc trở qua những câu cách cú:

*-Lương duyên day đôi vì đâu  
Thuyền toan đôi bến đàn hầu thay dây*

---

<sup>48</sup> Âm, dương – ngũ hành: âm, dương là khí, ngũ hành là chất. Khí với chất khác nhau ở chỗ đang trong, đang đục. Khí tức là “tài liệu” nhờ đó vạn vật mới được cấu thành. Một vật cụ thể sinh ra thì nhờ khí làm tài liệu mà có hình thể và nhờ lý mà có hình thức. Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê- Đại cương triết học Trung Quốc- quyển 1. Nxb. Tp. HCM năm 1992. Trang 230.



*cúng tế, thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói dân”.*<sup>50</sup>

Thời đại ngày nay tập tục hôn nhân được xem là tiền đề của gia đình và những thủ tục tiền đến hôn nhân ngày trước đã dần dần được thay thế bằng những thành tố phù hợp với thực tiễn của người Quảng. “*Gia đình là một tế bào tự nhiên của xã hội, là một hình thức tồn tại của đời sống con người. Không có gia đình để tái sản xuất ra bản thân con người, thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được*”.<sup>51</sup> Chính vì ảnh hưởng tư tưởng mới như vậy nên trong tập tục hôn nhân ngày nay không còn là nỗi đau truyền thống trong đời người nữa. Việc tiến hành các thủ tục nghi lễ cho hôn nhân ngày nay góp phần hình thành một quan niệm mới về tục lệ, tạo nên phong tục phù hợp với tư duy của con người xứ Quảng ngang tầm thời đại. Đã loại bỏ ra ngoài bảng giá trị phong tục của khu vực như lễ cheo<sup>52</sup>, lễ tơ hồng<sup>53</sup>, lễ hợp cần. Vấn đề tứ xung, tam hợp cũng

---

<sup>50</sup> Theo **Việt Nam sử lược** - Trần Trọng Kim- Sđd. Tr 258, 259.

<sup>51</sup> **Chủ nghĩa Cộng sản khoa học** – Nxb. Sách giáo khoa Mác – Lênin. Hn 1997. Tr 269.

<sup>52</sup> Không có bữa *cheo* đôi vợ chồng xem như không phải người làng. Cheo chỉ nói miệng trao tay cho lý trưởng làng hoặc lý trưởng làng cô gái nếu là gởi rể. Có khi lý trưởng làng trao cho một giấy biên nhận. Giấy này được xem như một giá thú. *Có cưới mà chẳng có cheo. Nhân duyên trắc trở như kèo không đình.* (Ca dao). Tiền cheo thời nay đã bỏ hẳn mà thực hiện theo *Luật hôn nhân gia đình*.

<sup>53</sup> **Lễ tơ hồng**: Trong tác phẩm “*Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*”, Nxb VHNT 1997, Tr 61, Leopold Cadriere trích dẫn lời miêu tả của Raymond Deloustal trong “*Tổ chức tư pháp An Nam cổ (trong B.F.E.O.)*” về lễ Tơ hồng: “*Lễ cúng này không làm trên bàn thờ từ đường, nhưng trên một bàn thờ nhỏ dựng trong một căn phòng hoặc trong sân, người ta chỉ xếp lên đó các của cúng gồm xôi gấc, một con gà tơ, 100 miếng trà và 3 chén rượu. Tham gia cúng tế là hai cụ già còn vợ và nếu được thì có con đàn, cháu đống, một như trưởng nghi, một như đọc chúc, người chồng là chủ lễ và cuối cùng là người vợ đứng sau người chồng. Sau khi đọc chúc chấm dứt nghi lễ, một trong ba chén rượu được trao cho người chồng, ông ta uống một nửa rồi trao cho vợ, chị vợ nốc cạn hay giả vờ nốc cạn. Xôi, gà, trà đã cúng được để sang một bên dành cho đôi tân hôn; họ phải dùng hết,*



ít được bàn đến trong hôn nhân thời nay. “Theo quan điểm ngày nay, hôn nhân là sự thoả thuận giữa một người nam và một người nữ làm vợ chồng của nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng được thực hiện với sự tuân thủ các điều quy định của pháp luật nhằm để chung sống với nhau suốt đời và xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hoà thuận. Sự kết hôn sẽ thiết lập ra một quan hệ thân thân mới, đó là quan hệ vợ chồng mà ý nghĩa của nó nhằm giúp đỡ nhau trong cuộc sống và kết hợp với nhau để sinh đẻ, cùng nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình, tái sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Qua đó, vợ chồng phải thấy rõ các quyền và nghĩa vụ của từng người, nhận rõ trách nhiệm và bổn phận của bản thân trong gia đình trước các mối quan hệ với cha mẹ, vợ chồng, con cái”.<sup>54</sup> *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định. Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên”*<sup>55</sup>.

## **10. Những điều lý gắn liền với tập tục hôn nhân:**

Để tiến đến hôn nhân gia đình, thanh niên nam nữ xứ Quảng chịu sự chi phối theo cách “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” nhưng không những thế, họ còn tìm hiểu nhau và yêu

---

chẳng ai được đụng vào”. Ở xứ Quảng đã từ rất lâu, lễ này không còn tiến hành trong tập tục hôn nhân nữa.

<sup>54</sup> Thông tin tư liệu – TTXVN- 127, 27-10-2005.

<sup>55</sup> Xem: Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình – Nxb CTQG – 2005, Tr 16.

nhau. Dù trong hoàn cảnh nào thì những lời tự sự tâm tình vẫn được họ hát lên, trao gởi cho nhau. Do là vấn đề thầm kín nên môi trường diễn xướng của những câu hát dân gian – sau này gọi là Lý – không tiện để tỏ bày được, nên Lý không có sân khấu riêng, cả trên sân nhà một người nào đó cũng không.

Nếu gọi Hò là những khúc dân ca ra đời và gắn liền với lao động sản xuất thì Lý là những khúc tâm tình sử dụng trong vui chơi, trong gặp gỡ của những đôi trai gái, ở đó họ tỏ bày nỗi niềm riêng và vì nỗi niềm riêng nên những câu hát như thể không có nhịp điệu lao động, không có đối đáp huê tình như Hò, càng về sau, Lý có độ dài ngắn khác nhau nhằm thể hiện hết nỗi lòng mà có. Khi đã được cách điệu đưa lên sân khấu, Lý được xem “là thể loại “điệu nhỏ” dành cho các nhân vật thuộc tầng lớp dưới (nông dân, người hầu, lính trôn). Chúng mang tính chất diễn cảm riêng biệt, khắc họa sắc sảo tính cách nhân vật”<sup>56</sup>. Bước lên sân khấu hoà cùng với hát bội, các nghệ nhân tiếp nhận Lý dân gian với tư cách là một thể loại, họ *bẻ lòn nắn điệu, chuyển hoá chúng vào sân khấu*. Và, từ đấy các điệu Lý ra đời được chia thành ba nhóm: nhóm trữ tình duyên dáng có Lý năm canh, Lý con sáo, Lý chơi xuân... nhóm hài hước, trào lộng như Lý Đồng Nai, Lý con quạ, Lý con ngựa... nhóm thể hiện tâm tư trong sáng như Lý Thiên thai, Lý Thượng, Lý thương nhau...<sup>57</sup>

---

<sup>56</sup> Theo Nhạc sỹ Trương Đình Quang trong *Men rượu hồng đào*. Nxb Đà Nẵng 2005. Tr 193.

<sup>57</sup> Theo Nhạc sỹ Trương Đình Quang trong *Men rượu hồng đào*. Sđd. Tr 193

Khi đã lên sân khấu là vậy, còn lúc tâm tình tự sự nơi quê kiểng của *dân mọn xóm làng*, ta có thể nghe được những lời vui buồn, hạnh phúc trong tình yêu:

### 10.1. Những câu hát trữ tình, duyên dáng:

- *Ai ơi không nhớ thuở anh thê  
Cầm dao lá liễu dựa kê tóc mai<sup>58</sup>  
Chữ đề vô đá lâu phai  
Năm đêm nghĩ lại ít ai có tình  
Bông xúng bông bình lại xúng bình  
Tiền năm quan họ rước,  
hai đũa mình còn đây  
Tơ hồng bà nguyệt xe dây<sup>59</sup>  
Chàng nam thiếp bắc hồi này phải xa  
Làm chi tội nghiệp rủa bà  
Can thường chi đó bỏ ta sao đành!<sup>60</sup>*

---

<sup>58</sup> **Tóc mai:** cặp đôi xúng *mai-liễu*. Mai là cây mơ, hoa trắng 5 cánh nở vào đông băng tuyết, có quả khô, tươi, dùng ăn và nêm nấu hay làm thuốc. Văn nhân ví mai là tiên vì có vẻ thanh cao, không sợ tuyết sương và có sắc đẹp, hương thơm. **Liễu:** cây liễu lá dài, rủ xuống. **Dao lá liễu:** lưỡi dao dài như lá liễu.

<sup>59</sup> **Tơ hồng bà nguyệt:** (tơ đỏ, tơ thắm, chỉ hồng, chỉ đỏ, chỉ thắm) do chữ *Hồng Ty*, Trương Gia Trinh có năm người con gái, muốn gả cho Đặng Nguyên Chân mà không biết gả người nào. Ông mới dạy năm người con ông ngồi trong một cái màn mỗi người cầm một sợi tơ, mỗi sợi mỗi màu, còn Đặng Nguyên Chân thì ở ngoài nắm được mỗi tơ của ai thì cưới người đó. Nguyên Chân nắm được sợi tơ đỏ, nhằm người thứ ba đẹp hơn hết. Trong **Cung oán** có: *Đang tay muốn dứt tơ hồng, Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.*

<sup>60</sup> **Can thường:** tam can, ngũ thường. Tam can gồm: quân thân, phụ tử, phu thê. Ngũ thường gồm: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.: Xem Thiên thứ hai mươi, chương Phụ Hạnh sách **Minh tâm bảo giám** viết: "*Phụ nhân trượng u nhân già thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tông chi đạo: tại gia tông phụ; thích nhân tông phu; phụ tử tông tử, vô cảm tự đạoi già*". = Đàn bà là người nương dựa ở người, cho nên không có nghĩa chuyên chế mà có đạo tam tông là: ở nhà thì theo cha, gả rồi thì theo chồng, chồng chết thì theo con, không dám làm theo ý muốn. *Minh tâm Bảo giám*-Tạ Thanh Bạch - dịch chú. Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1959.

- Anh chê em nghèo khổ  
Em về đụng chỗ giàu sang  
Ra đi quan, lính coi đàng  
Nghiêng mình xuống võng chào chàng buổi xưa  
Chào rồi nước mắt như mưa  
Tiếc ơi là tiếc, duyên xứng nợ vừa mà xa.

- Áo đen năm nút cũng đen  
Nói chơi người lạ, người quen để dành  
Lửa gần rom như cơm gần mắm  
Thiếp có gần chàng tội lắm chàng ơi  
Hai tay áo ướt, chàng còn chờ nơi lửa hừng  
Sự làm ri ai thấy không thương  
Ngoài da chim cá, trong xương phượng hoàng  
Thiếp còn ngồi vùi vùi đợi chàng  
Sao chàng không hôn hờ với nàng cho vui.

-Bạn phân làm sao cho phải phải  
Để cho em giải lần lần  
Kéo gan khô từ đoạn, ruột không giần cũng đau  
Rối như tơ em gỡ còn xong  
Rối đầu có lược, rối tấm lòng khó phân.

- Bắt thang lên hỏi thiên hoàng  
Duyên ta nợ bạn lỗ làng vì đâu  
Thương nhau đâu kể giàu nghèo  
Trách ai thay lòng đổi dạ, bỏ lỗ cái câu ân tình.

*-Bạn về lòng ta khô, dạ ta héo  
Bạn ra về không lẽ ta ré, ta kêu  
Nghiêng tai giữa gió, ta bảo nhỏ đôi điều  
Ai xa mặc họ, hai đứa mình nghèo đừng xa.*

*-Bạn ơi, ở bạn vô đây  
Tội chi mà núp, bóng cây mà ngồi.*

*- Canh một thơ thân vào ra  
Chờ trăng trắng lặn, chờ hoa hoa tàn  
Canh hai thấp ngọn đèn loan  
Chờ người quân tử thở than đôi lời  
Canh ba đang nói đang cười  
Còn hai canh nữa, mỗi người mỗi phương  
Canh tư chấp bút thề nguyện  
Ôi tình minh bạch chẳng tuyền thủy chung  
Canh năm cờ phát trống rung  
Qua gá tiếng cù, em bậu chớ nghe ai.*

*- Còn duyên buôn thị bán hồng  
Hết duyên buôn mít cho chồng gặm xơ  
Còn duyên nón thúng quai to<sup>61</sup>  
Hết duyên nón lá lại quơ dây chiu<sup>62</sup>*

*- Cha mẹ sinh chàng từ một cho chí mười lăm  
Nói, con không mấy đứa lo nghi gia cho rồi<sup>63</sup>*

---

<sup>61</sup> **Nón thúng:** loại nón bầu như cái thúng úp, dành cho giới nhà giàu.

<sup>62</sup> **Dây chiu:** một loại dây leo nhỏ như dây xanh, rất dẻo, nhựa màu hồng. Dây dùng cột, bó, thắt, kéo... rất tiện cho nhà nông khi lên núi đốn củi hoặc bó, cột tre cây, nhánh tre, đi lá, đi bồi... Dây mọc nhiều ở vùng trung du và đồng bằng.

<sup>63</sup> **Nghi gia:** Cưới vợ, lập gia đình cho ra ở riêng.

Sấm sanh cây một ông môi  
Nói năm, ba chỗ chàng hỏi không ưng<sup>64</sup>  
Chàng nói chàng còn tuổi trẻ còn xuân  
Theo thầy học tập, theo cái chun sư đường<sup>65</sup>  
Họ thấy chàng ăn học, họ thương  
Kẻ kêu gả cháu, người thì gả con  
Giốc lòng giữ mực sắc son  
Gả cháu xin tạ, gả con cũng xin từ  
Giờ đây sông Ngân vội bắt cầu Ô<sup>66</sup>  
Đò đầy chờ khách lẽ mô cảm sào  
Thuyền duyên ngộ gặp anh hào  
Trên tơ mảnh chấp mối, dưới Nam tào định xây<sup>67</sup>  
Trời xui gặp gỡ nhau đây

---

<sup>64</sup> **Năm ba chỗ:** Đi hỏi vợ (nói vợ) năm ba nơi.

<sup>65</sup> **Chun** (Phương ngữ) như chân. Cái chân.

<sup>66</sup> **Sông Ngân, cầu Ô:** là một đoạn sáng lờ mờ về đêm giăng ngang trời, ta trông xa như một vùng nước nên gọi là sông Ngân (dây Ngân hà). Ở đây ý nói như Chức Nữ và Ngưu Lang chờ nhau bên bến sông Ngân vào ngày 7 tháng 7 hằng năm. Điển chép ở sách Kinh sử tuế thời ký, rằng ở hướng đông sông Ngân hà có Chức Nữ (cháu trời) thêu dệt rất giỏi, trời gả cho chàng Khiên Ngưu Lang (chàng dốt trâu) hoặc Ngưu lang. Chàng Ngâu. Từ khi có chồng, nàng Chức Nữ biếng nhác bỏ nữ công, không thêu thùa nên trời phạt bắt vợ chồng phải xa lìa nhau, mỗi năm chỉ gặp nhau vài giờ đêm mùng 7 tháng 7 (đêm thất tịch) tại bên sông Ngân hà. Trước khi hội ngộ có chim Ô thước (con quạ) đội đá bắt cầu sang sông Ngân. Đêm ấy, nhìn lên trời thấy bên sông Ngân hà có 2 ngôi sao gặp nhau trong ít lâu sau lìa nhau. Vào tiết thất tịch quạ đều sói đầu. Đến tháng 8 lại có những nùi tơ trắng bay từ trên mây xuống. Đó là Chức Nữ buồn vì xa chồng mà xé khung cửi thả tơ bay

<sup>67</sup> **Tơ mảnh:** (tơ đỏ, tơ mảnh, tơ thắm, chỉ hồng, chỉ đỏ, chỉ thắm) do chữ Hồng Ty, Trương Gia Trinh có năm người con gái, muốn gả cho Đặng Nguyên Chấn mà không biết gả người nào. Ông mới dạy năm người con ông ngồi trong một cái màn mỗi người cầm một sợi tơ, mỗi sợi mỗi màu, còn Đặng Nguyên Chấn thì ở ngoài nắm được mỗi tơ của ai thì cưới người đó. Nguyên Chấn nắm được sợi tơ đỏ, nhằm người thứ ba đẹp hơn hết. Trong *Cung oán* có: *Đang tay muốn dứt tơ hồng, Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.* **Nam Tào;** nhôi sao ở phương Nam (Nam tào Bắc đẩu).

*Kết duyên Tồn - Tấn sum vầy nhứt gia<sup>68</sup>*

*-Chàng về mua buồng cau cho tốt  
Mua một bình rượu cho đầy  
Đề lên bàn độc xây  
Anh quỳ xuống trước, em quỳ xuống sau  
Mời hai bên cha mẹ, định duyên này cho con.*

*- Chiếc đò đây không ai dễ sang sót  
Thiếp khuyên với chàng  
bước bớt cái chun ra  
Kéo sông sâu sóng lớn  
chiếc thuyền phong ba không chùng!*

*- Chiều chiều mây phủ Ai Vân  
Chim kêu gành đá gấm thân lại buồn  
Buồn riêng rồi lại khóc thâm  
Tủi thân phận gái ướt dầm nắng mưa.*

*-Rủ nhau các ả thuyền quyên  
Đánh quân đánh áo phút liền đi ra  
Một đoàn tím tía chói lòe  
Yếm hồng khăn thắm coi đà xinh thay  
Này tao này ả này mi*

---

<sup>68</sup> **Tồn Tấn:** 1/là Tồn, nước Tồn thời Xuân Thu, Chiến quốc bên Tàu. Hai nước Tấn - Tồn thời ấy có quan hệ bang giao thân thiết, đời đời kết làm thông gia với nhau. Ở đây chỉ sự gắn bó, đôi bạn gắn bó nhau. Trong truyện **Trình Thử**: *Muốn cho vẹn nghĩa Tấn Tồn, Hai non gánh lại cho gần cả hai.* 2/ Tấn ở khu vực từ miền nam tỉnh Sơn Tây đến miền nam tỉnh Hà Bắc; Tấn ở miền Trường An tỉnh Thiểm Tây. Như thế, Tấn ở phía đông, Tồn ở phía tây. Chỉ sự xa cách, mỗi người một ngã. Trong **Lục Vân Tiên**: *Những kẻ Tấn, người Tồn, Nào hay chữ ngẫu đặng gần chữ giai.*

*Này em này chị này dì này cô  
Cùng nhau hát hát hò hò  
Chơi trăng cợt gió ngỡ cho thoả lòng  
Chơi trăng kéo nữa tàn trăng  
Có tình không buộc đêm nằm đặng sao  
Cho mau cho mãi cho màn  
Lên trên hàng thịt xuống bầu cây đa.*



*Hầm rượu – Bà Nà (A: VVH).*



## 10.2. Những câu hát dí dỏm, trào lộng:

- *Ai mua con quạ bán cho  
Đen lông đen cánh bộ giò cũng đen.*
- *Ai về nhắn với bà gia  
Dọn đàng quét ngõ thàng ba dậu về.*
- *Ba bốn nơi đi nói em không màng<sup>69</sup>  
Chờ nơi chết vợ sẵn sàng quy môn.*
- *Buổi xưa kia em có lời giao  
Bạn không bước tới, họ đón gai họ rào  
Nay chừ duyên đã thành ao  
Rào thưa hơn bỏ trống, đó ai dám giành.*
- *Ba với ba là sáu  
Sáu với bảy mười ba  
Bạn nói với ta không thiệt không thà  
Đùng đình kia trở muộn, nửa già nửa non  
Bạn nói với ta chưa có vợ con  
Chừ vợ con mô than khóc nỉ non tê tê  
Bạn nói với ta chưa có hiền thê  
Chừ hiền thê mô đứng đó,  
bạn trả mấy lời thê cho ta.*
- *Bởi vì con heo nên em đèo khúc chuối  
Bởi vì con muỗi nên thiếp thả màn loan  
Bởi vì chàng nên thiếp chịu đòn oan  
Phụ mẫu mắng nhiếc, thế gian chê cười.*

---

<sup>69</sup> Đi nói: đi hỏi vợ.

- Bữa qua anh đi ngang trước ngõ  
Thấy phụ mẫu em đánh đập  
em lăn, em lóc, em trăn, em trọc  
Roi, dùi, nọc vừa mới đem ra  
Quất một cái trót, hỏi mà theo ai ?  
Lời thuy<sup>2</sup> chung em chẳng dám khai  
Anh đi ngang qua trước ngõ  
nước mắt nhỏ ngấn dài trên tay  
Lập mưu, lập kế thậm hay  
Quẹt diêm đốt rác, vớ tay la làng  
Phụ mẫu em vừa bước chân sang  
Anh vô nh<sup>2</sup> nọc, tìm đàn đưa em đi.

- Con chim đa đa đậu nhánh đa đa  
nó kêu lắ la, lắ lẻo  
Như con chim chèo bẻo đậu nhánh măng vôi  
Bạn ơi, ở bạn, ở hoài rứa răng ?  
Trên trời có một cái trăng  
Lâu đêm còn khuy<sup>2</sup>ết  
hu<sup>2</sup>ng chi nghĩa đạo hằng bạn không lo  
Mai sau biển cạn thành gò  
Sông Dinh cạn nước,  
bạn để chiếc đò cho ai ?

- Gạo đàn ngoài một tiền bảy chén  
Gạo đàn trong một chén bảy tiền  
Anh không tin anh về Đồng Nai mà ngó  
Có quân tập trận có cái chòi bắn bia  
Có ngựa hồng mao tiền mao hậu

*Quân võ thần đầu đội mũ đao  
Súng vác vai tay cầm giáo cầm cờ  
Cầm dao phay, cầm mác lỗ  
Cầm thanh rựa, cầm rựa bụp  
của bầy đảp<sup>70</sup> hết cầm.*



*Ly rượu mừng (Ảnh minh họa)*

### **10.3. Những câu hát trong sáng:**

*-Anh sắm cho em một đôi gióng sáu mây song<sup>71</sup>  
Một cây đòn gánh cong bốn mầu*

<sup>70</sup> **Bầy đảp**: là tiếng dùng để chỉ những người làm nghề mổ thịt heo, bò.

<sup>71</sup> **Gióng sáu mây song**: loại gióng chỉ có ba tao, mỗi tao hai sợi mây song (mây không chẻ đôi) vừa bằng chiếc đũa ăn cơm, lồng trong đôi gióng là đôi trục. Gióng này người ta chỉ dùng gánh phân (bò, heo), đất, gạch, rác.

*Cho em buôn thầu Trà Kiệu<sup>72</sup>  
Dặn tấm lòng ai dõ đừng xiêu  
Để dưỡng nuôi phụ mẫu,  
buổi con trăng chiều có ta.*

*- Bạn về Phong Lệ xã<sup>73</sup>  
Cho em nhắn trả đôi lời  
Nhắn cùng bạn cũ ăn chơi đừng buồn.*

*- Cau khô khéo bửa cũng dày  
Có thương cho mấy hồi này cũng xa  
Bây giờ hỏi thiệt cô Ba  
Còn thương nghĩa cũ hay là hết thương?  
Ban ngày dang nắng, tối lại dầm sương  
Thấy ta lao khổ mình thương không mình  
Bao giờ cho liễu xa đình  
Hạc kia xa hương án, hai đũa mình mới xa.*

*- Con cua vàng bò ngang khe suối  
Thiếp với chàng sớm tối đừng bỏ ngãi nhau  
Dãi dầu con ốc, miếng cau  
Bên sang bên khổ, sang giàu có nhau*

*- Con gà trống tía cái lông cũng tía*

---

<sup>72</sup> **Trà Kiệu:** nay thuộc xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trước, vùng này có tên là Simhapura là kinh đô của Chăm Pa. Thời Lê Thánh Tông, hiệu Hồng Đức (1470), 13 họ tộc từ Nghệ An, Thanh Hóa di cư vào khai cơ, lập nghiệp và trở thành Tiên hiền của xã Duy Trinh, lập nên xã hiệu gọi là *Ngũ xã Trà Kiệu*, thuộc Thăng Hoa phủ, Hy Giang huyện.

<sup>73</sup> **Phong Lệ:** Trước là một xã hiệu. Nay tên gọi chỉ tồn tại trong dân gian. Phong Lệ nay đã chia làm hai thôn Phong Nam (thuộc xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang); Phong Bắc (thuộc xã Hoà Thọ, ngày 5 tháng 8 năm 2005 Chính Phủ ban hành Nghị định số 102/2005/NĐ, thuộc quận Cẩm Lệ) thành phố Đà Nẵng.

*Ngọn khoai lang giâm, ngọn mía cũng giâm  
Thương nhau không dễ chi thương thâm  
Thương thời rượu hũ trâu mâm tới nhà  
Em còn thừa lệnh mẹ cha  
Còn cô, chú bác,  
chứ không phải mình ta với chàng.*

*- Ngó lên hòn núi Thiên Thai<sup>74</sup>  
Thấy đôi chiến chiến ăn xoài chín cây.*

*- Thương nhau trường đoạn, đoạn trường  
Lụy lưu lưu lụy dạ đường kim châm.*

*- Trèo lên cây khế rung ô  
Rớt xuống đọt đùng trái ngọt trái chua.*

---

<sup>74</sup> **Thiên thai** = Tên núi, ở phía bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, (Trung Quốc), thế núi hùng vĩ như hình rắn bò. Tương truyền thời Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu cùng vào Thiên Thai hái thuốc, được gặp tiên. Theo *U minh lục*: Năm Vĩnh Bình thứ V đời Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu cùng vào Thiên Thai hái thuốc, gặp hai nàng tiên xinh đẹp bên bờ con suối lớn. Hai người lưu Lưu Thần và Nguyễn Triệu lại trong nửa năm. Hai chàng nhớ quê hương, từ biệt tiên nữ ra về. Tìm về đến nơi quê cũ thì anh em, họ hàng đã phiêu lạc đi đâu cả, nhà cửa không còn, hỏi không ai nhận ra cả. Trong **Tây Sương** của Lý Văn Phức có: *Khơi sông cho đến nguồn đào, Tìm đường lối cũ lại vào Thiên Thai.*